

Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam

ĐƯỢC CHỌN GIỮA LOÀI NGƯỜI
VÀ CHO LOÀI NGƯỜI (x. Dt, 5.1)

GIÁO SĨ:

Xuất phát từ giáo dân, hiện diện vì giáo dân và cậy dựa vào giáo dân

ĐỂ CÙNG LÀM VINH DANH THIÊN CHÚA

www.conggiaovietnam.net

giaosivietnam@gmail.com

Đặc San Điện Tử **Giáo Sĩ Việt Nam** Số 31, Chúa Nhật 31.12.2006

CÁC SỐ BÁO ĐÃ PHÁT HÀNH

MỤC LỤC

Sắc Lệnh về Canh Tân Thích Nghi Đời Sống Dòng Tu (tiếp theo và hết) Vatican 2

LINH MỤC VÀ THÁNH GIÁ: NHƯ TẤM BÁNH BỊ BỂ RA GSVN

CUỘC VẬN HÀNH CUỐI CÙNG Lm. Đỗ Văn Lực, OP.

MẦU NHIỆM TÌNH YÊU GIÁNG SINH Lm. Lê Văn Quảng

Chuông súc vật Long Lm. Nguyễn Ngọc

Thiếu Giáo Dục có thể đưa tới hậu quả là cuồng tín tôn giáo Lê Tinh Thông

THẦN HỌC VỀ ĐỜI SỐNG THÁNH HIẾN TỪ VATICAN II (tiếp theo) Trần Hữu Hạnh, fsf

BÍ QUYẾT SỐNG YÊN TÂM Dịch giả Tôn Thất Bàng

Tác phẩm ĐÀO TẠO VÀ TỰ ĐÀO TẠO... (tiếp theo) Lm. Micae-Phaolô TRẦN MINH HUY

Calcium: Xi Măng, Cốt Sắt của Bộ Xương Đức Bác sĩ Nguyễn Ý -

Sắc Lệnh về Canh Tân Thích Nghi Đời Sống Dòng Tu (tiếp theo và hết)

22. Sự phối hợp giữa các hội dòng. Nếu tiện lợi và được Tòa Thánh chấp nhận, các hội dòng và đan viện tự trị hãy xúc tiến thành lập những hiệp hội nếu đại khái cùng thuộc về một gia đình tu, hoặc thành lập những liên hiệp nếu có hiến chương, tập tục tương tự và cũng sống theo một tinh thần, nhất là khi quá nhỏ bé, hoặc thành lập những liên hội nếu họ chuyên lo những công việc bề ngoài giống nhau hoặc trùng nhau.

23. Hội đồng Bề Trên Thượng Cấp. Nên cổ vũ những hội nghị hay hội đồng các Bề Trên Thượng Cấp do Tòa Thánh qui định, vì những hội đồng như vậy giúp ích rất nhiều để mỗi hội dòng đạt tới mục đích riêng cách hoàn hảo hơn, để phát triển sự hợp tác hữu hiệu hơn nhằm mưu ích cho Giáo Hội, để phân phối đồng đều hơn các thợ chuyên giảng Phúc Âm trong một địa hạt nhất định, cũng như để cứu xét, thương lượng những vấn đề chung có liên quan đến các tu sĩ, trong khi phối hợp và cộng tác thích ứng với các Hội Đồng Giám Mục về lãnh vực hoạt động tông đồ.

Các tu hội triều cũng có thể thành lập những tổ chức tương tự.

24. Ơn gọi tu dòng. Các linh mục và các nhà giáo dục Kitô giáo phải hết sức cố gắng để cổ động cho ơn gọi tu dòng được thêm đông, được chọn lựa thận trọng và thích đáng hầu đáp ứng đầy đủ với nhu cầu của Giáo Hội. Ngay khi giảng dạy thường ngày, cũng hãy nâng đề cập đến các lời khuyên Phúc Âm và việc chọn lựa bậc sống tu dòng. Trong khi giáo dục con cái theo luân lý Kitô giáo, cha mẹ phải vun trồng và bảo vệ các mầm non ơn gọi tu trì trong tâm hồn chúng.

Các hội dòng được phép tuyên truyền cho dòng mình để cổ vũ ơn kêu gọi và tìm các ứng sinh, nhưng phải hành động với sự khôn ngoan cần thiết và tuân giữ những tiêu chuẩn do Tòa Thánh và Các Đấng Bản Quyền đã ban hành.

Tuy nhiên, các tu sĩ hãy nhớ rằng: gương sáng của đời sống cá nhân mới là lời giới thiệu hùng hồn nhất cho hội dòng mình và là lời mời gọi sống đời tu dòng hữu hiệu hơn hết.

25. Kết luận. Các hội dòng đã được Thánh Công Đồng có ý đề cập đến khi ấn định những tiêu chuẩn canh tân thích nghi này, hãy mau mắn đáp ứng ơn thiên triệu và phận vụ mình trong Giáo Hội thời hiện tại. Thực vậy, Thánh Công Đồng ngưỡng mộ cuộc đời trinh khiết khó nghèo và vâng lời của họ, đó là cách sống mà chính Chúa Kitô đã nêu gương; Thánh Công Đồng vững lòng kỳ vọng nơi những công cuộc rất hữu hiệu của họ, dù âm thầm hay công khai. Vậy, hết thảy các tu sĩ hãy nhờ đức tin trọn hảo, đức mến Chúa yêu người, lòng mến thánh giá và niềm cậy trông vinh quang đời sau mà truyền bá Phúc Âm Chúa Kitô trên toàn thế giới, để mọi người thấy dấu chứng của họ và ngợi khen Cha chúng ta trên trời (x. Mt 5,16). Như thế, nhờ lời cầu bầu của Đức Trinh Nữ Maria rất dịu hiền, Mẹ Thiên Chúa, "mà cuộc đời của Mẹ là khuôn mẫu cho mọi người" ¹, các hội dòng mỗi ngày một bành trướng và trở sinh những hoa trái cứu rỗi dồi dào hơn.

Tất cả và từng điều đã được ban bố trong Sắc Lệnh này đều được các Nghị Phụ Thánh Công Đồng chấp thuận. Và dùng quyền Tông Đồ Chúa Kitô trao ban, hiệp cùng các Nghị Phụ khả kính, trong Chúa Thánh Thần, Chúng Tôi phê chuẩn, chế định và quyết nghị, và những gì đã được Thánh Công Đồng quyết nghị, Chúng Tôi truyền công bố cho Danh Chúa cả sáng.

Roma, tại Đền Thánh Phêrô, ngày 28 tháng 10 năm 1965.

Tôi, Phaolô Giám Mục Giáo Hội Công Giáo.

Tiếp theo là chữ ký của các Nghị Phụ.

VỀ MỤC LỤC

LINH MỤC VÀ THÁNH GIÁ: NHƯ TẤM BÁNH BỊ BÈ RA

Để bắt đầu phần chia sẻ hôm nay, tôi xin đưa ra hai chứng từ về tinh thần phục vụ của linh mục.

Chứng từ thứ nhất đó là cha Đamiêng, vị tông đồ người hủi :

Vào thế kỷ 18, người Tây phương bắt đầu đến định cư Hawaii, số dân trên đảo lúc bấy giờ được chừng ba trăm ngàn. Nhưng sau một thế kỷ, chỉ còn lại khoảng năm chục ngàn mà thôi. Sở dĩ như vậy vì chứng phong cùi tràn lan. Do không kiểm soát được dịch bệnh, chính quyền đã dành riêng đảo Molokai cho những người mắc bệnh. Họ phải sống ở đây trong những điều kiện khắc nghiệt cho đến chết. Được phép của bề trên, cha Đamiêng, một linh mục truyền giáo trẻ tuổi, đã đến với họ, đã sống cùng họ và đã phục vụ họ. Cha đã giúp đỡ họ cải thiện lại đời sống cả về vật chất lẫn tinh thần, biến Molokai, từ một chốn đọa đày trở thành một cộng đoàn yêu thương và an vui. Cuối cùng cha cũng đã mắc phải bệnh phong cùi và chết ở giữa họ vào ngày 15 tháng 4 năm 1889.

Chứng từ thứ hai, đó là cha Maximilianô Kolbê.

Cha sinh ngày 7 tháng 01 năm 1894 tại Ba Lan và được thụ phong linh mục năm 1918. Cha rất tôn sùng kính mến Đức Mẹ. Cha có năng khiếu về báo chí và đã tạo được một ảnh hưởng sâu rộng. Vì thế, Đức Quốc Xã đã quyết tâm trừ khử cha. Năm 1940, cha bị bắt và bị đưa vào trại giam Orianienburg và năm 1941 cha bị chuyển tới Auschwitz, một trại tập trung nổi tiếng dã man và đã giết chết biết bao nhiêu người vô tội. Ở đây có một qui luật rất khắt khe, đó là cứ một tù nhân trốn trại thì mười tù nhân khác phải thế mạng. Hình phạt lúc đầu là bắn chết, nhưng sau để đỡ tốn đạn, họ đã bỏ đói tù nhân cho đến chết. Vào một ngày trong tháng 8 năm 1941, có một người tù trốn trại và thế là mười người tù khác phải chết thay. Trước án tử hình oan uổng này, một người lính tên là Gajowniczek đã khóc lóc thảm thiết vì anh còn vợ hiền và đàn con thơ dại. Cha Kolbê đã động lòng thương xót và đã tình nguyện xin chết thay cho anh ta. Lời van xin được chấp nhận. Cha và chín người tử tù khác phải bước qua phòng hơi ngạt số 14. Sáng hôm sau, người ta phát hiện ra cha còn thoi thóp, nên họ đã chích cho cha một mũi thuốc ơn huệ và cha đã trút hơi thở cuối cùng đúng vào ngày lễ Mẹ hồn xác lên trời. Cha đã được Đức Gioan-Phaolô II tôn phong lên hàng hiển thánh vào ngày 17 tháng 10 năm 1971.

Từ hai mẫu gương kể trên, chúng ta đi vào đề tài thứ sáu, bàn về tinh thần phục vụ của linh mục qua hình ảnh chiếc bánh bị bẻ ra. Phải chăng đây cũng chính là một cây thập giá đời thường mà linh mục phải vác lấy trên nẻo đường bước theo Đức Kitô. Thế nhưng tiên vàn chúng ta hãy nói tới tinh thần phục vụ nơi Đức Kitô.

I- TINH THẦN PHỤC VỤ NƠI ĐỨC KITÔ

Trước hết, chính Đức Kitô đã sống tinh thần phục vụ.

Đọc lại Tin mừng, chúng ta thấy : Trong khi chu toàn thánh ý Chúa Cha để cứu chuộc nhân loại, Đức Kitô đã dấn thân phục vụ con người. Chính Ngài đã xác quyết với các môn đệ :

- "Thầy sống giữa anh em như một người phục vụ".(Lc 22,27).

Nơi khác Ngài cũng đã phán :

- "Con Người đến không phải để được người ta phục vụ, nhưng là để phục vụ, và hiến mạng sống làm giá chuộc muôn người". (Mc 10,45).

Chính vì thế, Ngài đã đến trong thế gian để trở thành một Emmanuel, nghĩa là một Thiên Chúa ở cùng chúng ta (Mt 1,23).

Ở cùng chúng ta không phải như một kẻ xa lạ, nhưng như một người thân và Ngài đã "nhập cuộc" :

"Người đã đến nhà mình, nhưng người nhà chẳng chịu đón nhận". (Ga 1,11).

Ở cùng chúng ta để chia sẻ thân phận con người bởi vì chính Ngài đã sinh ra trong cảnh nghèo khó của hang đá Bêlem, lớn lên trong lao động vất vả trong xưởng mộc Nagiarét, cũng đã từng đói khát và mệt mỏi :

- "Con chồn có hang, chim trời có tổ, nhưng Con Người không có chỗ tựa đầu". (Mt 8,20).

Ở cùng chúng ta để xoa dịu những bất hạnh mà con người gặp phải. Chính vì thế Ngài đã cúi xuống chữa lành mọi bệnh hoạn tật nguyền, xua trừ ma quỷ, thực hiện những phép lạ nhằm làm giảm bớt những khổ đau của con người :

"Ra khỏi thuyền, Đức Giê-su trông thấy một đoàn người đông đảo thì chạnh lòng thương, và chữa lành các bệnh nhân của họ. " (Mt 14,14).

Sau đó, chính Ngài đã làm phép lạ cho bánh hóa nhiều để nuôi dưỡng họ trong nơi hoang vắng khi trời đã về chiều. (Mt 14,15-21).

Và hơn thế nữa, ở cùng chúng ta không giống như một ông công an cảnh sát lăm le biên phạt những sai lỗi, nhưng như người mục tử nhân lành. Người mục tử nhân lành nhận biết các con chiên của mình, dẫn đưa chúng tới đồng cỏ non và tới dòng suối mát, cũng như sẵn

sàng hy sinh mạng sống vì đàn chiên :

"Tôi chính là Mục Tử nhân lành. Tôi biết chiên của tôi, và chiên của tôi biết tôi, như Chúa Cha biết tôi, và tôi biết Chúa Cha, và tôi hy sinh mạng sống mình cho đoàn chiên". (Ga 10,14-15).

Trong bí tích Thánh Thể, Ngài đã trở nên của ăn nuôi sống linh hồn chúng ta :

"Cũng trong bữa ăn, Đức Giê-su cầm lấy bánh, dâng lời chúc tụng, rồi bẻ ra, trao cho môn đệ và nói: "Anh em cầm lấy mà ăn, đây là mình Thầy." Rồi Người cầm lấy chén, dâng lời tạ ơn, trao cho môn đệ và nói: "Tất cả anh em hãy uống chén này, vì đây là máu Thầy, máu Giao Ước, đổ ra cho muôn người được tha tội". (Mt 26,26-28).

Và sau cùng, trên thập giá Ngài đã đổ ra cho đến giọt máu cuối cùng để giải thoát chúng ta khỏi án phạt của tội lỗi, đồng thời qua đó, Ngài đã chứng tỏ cho chúng ta thấy một tình yêu phục vụ tuyệt vời nhất, bởi vì :

- "Không có tình thương nào to lớn hơn tình thương của người hy sinh mạng sống mình cho bạn hữu". (Ga 15,13).

Tiếp đến, Đức Kitô đã dạy các môn đệ noi gương mình mà sống tinh thần phục vụ.

Các môn đệ, mặc dầu đã mau mắn đáp trả lời mời gọi của Đức Kitô. Các ông đã từ bỏ mọi sự mà đi theo Ngài. Thế nhưng, các ông vẫn còn mang nặng đầu óc xô thịt, nghĩa là muốn được làm lớn trong vương quốc của Chúa, hầu được thừa hưởng nhiều quyền hành và bổng lộc.

Bằng chứng là bà mẹ hai ông Giacôbê và Gioan đã đến xin cho con mình một người được ngồi bên trái và một người được ngồi bên phải trong nước Ngài. Lời van xin này đã làm cho mười một kia bức bối và tức tối. Điều đó chứng tỏ rằng tinh thần thế gian đã bén rễ sâu trong tâm hồn các ông.

Nhân cơ hội này, Chúa Giêsu đã uốn nắn những tư tưởng lệch lạc của các ông và Ngài đã đưa ra một quan điểm đặc thù về sự "làm lớn". Theo Ngài, làm lớn chỉ có nghĩa là phục vụ mà thôi. Ngài đã nói với các ông như sau :

- "Anh em biết : những người được coi là thủ lãnh các dân thì dùng uy mà thống trị dân, những người làm lớn thì lấy quyền mà cai quản dân. Nhưng giữa anh em thì không được như vậy: ai muốn làm lớn giữa anh em thì phải làm người phục vụ anh em; ai muốn làm đầu anh em thì phải làm đầy tớ mọi người". (Mc 10,41-44).

Và để làm gương cho các ông, thì trong bữa tiệc ly vào buổi chiều ngày thứ năm tuần thánh, Ngài đã quì xuống rửa chân cho các ông. Sau đó, Ngài đã nói với các ông :

- "Anh em có hiểu việc Thầy mới làm cho anh em không? Anh em gọi Thầy là 'Thầy', là 'Chúa', điều đó phải lắm, vì quả thật, Thầy là Thầy, là Chúa. Vậy, nếu Thầy là Chúa, là Thầy, mà còn rửa chân cho anh em, thì anh em cũng phải rửa chân cho nhau. Thầy đã nêu gương cho anh em, để anh em cũng làm như Thầy đã làm cho anh em. Thật, Thầy bảo thật anh em: tôi tớ không lớn hơn chủ nhà, kẻ được sai đi không lớn hơn người sai đi. Anh em đã biết những điều đó, nếu anh em thực hành, thì thật phúc cho anh em!". (Ga 13,12-17).

II- TINH THẦN PHỤC VỤ NƠI LINH MỤC

Là người môn đệ Đức Kitô, hơn ai hết linh mục cũng phải thực thi tinh thần phục vụ và gần bó với đàn chiên được trao phó. Thực vậy, linh mục là người được chọn từ loài người và được đặt lên cho loài người để lo việc Thiên Chúa.

Cũng trong ý nghĩa ấy, trong cuốn "La main dans ta main", cha Louis Becqué đã diễn tả như sau :

Hãy cột một chiếc nút để xe kết hai đầu giây, đó là linh mục bởi vì linh mục xe kết con người với Thiên Chúa. Hãy xây một cây cầu nối liền hai bờ bến xa cách, đó là linh mục bởi vì linh mục nối liền đất với trời. Nói cách khác, linh mục là vị trung gian giữa nhân loại và Thiên Chúa.

Vì vậy, một bên linh mục phải nắm chặt lấy bàn tay Thiên Chúa, còn một bên linh mục phải nắm chặt lấy bàn tay con người, để rồi đặt bàn tay con người vào trong lòng bàn tay của Thiên Chúa, cho tình yêu được đâm bông kết trái. Chính cái thế tay trong tay này, phải chăng là điều mọi người đều mong mỏi nơi các linh mục ? Nói cách khác, linh mục vừa là tôi tớ của Thiên Chúa lại vừa là tôi tớ của con người.

Giống như Đức Kitô, linh mục cũng phải quì gối rửa chân cho những người nghèo khổ, cũng phải cúi xuống để tha thứ và xoa dịu những đớn đau của người khác. Có nghĩa là linh mục cũng phải sống tinh thần phục vụ như Đức Kitô đã sống.

Công đồng Vaticanô II trong sắc lệnh về "Chức vụ và đời sống các linh mục", đã đưa ra những chỉ dẫn về tinh thần phục vụ.

"Linh mục có thể khám phá và tuân theo ý muốn (của Thiên Chúa) trong những sự kiện hằng ngày, bằng cách khiêm tốn phục vụ mọi người được Thiên Chúa ủy thác cho mình qua các nhiệm vụ riêng, cũng như qua những biến cố của đời sống". (LM 15)

Để sống tinh thần phục vụ, trước hết linh mục phải quan tâm tìm hiểu đàn chiên hầu nhận ra được những khó khăn hầu có được một thái độ cảm thông và chia sẻ vừa hợp tình lại vừa hợp lý. Muốn được như vậy, linh mục cần phải gần bó với đàn chiên. Cư xử với giáo dân như với những người anh em. Chức vụ đòi buộc linh mục phải sống trong thế gian nhưng lại không được chạy theo những lẽ thói của thế gian. (LM 3). Sống trong thế gian nhưng không thuộc về thế gian. (Ga 17,14-16). Như một bông sen, gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.

Tiếp đến, linh mục phải cư xử khoan dung đối với mọi người, dạy dỗ và khuyên bảo họ những người con rất yêu quý :

"Linh mục phải đối xử với họ không phải theo sở thích loài người, nhưng theo giáo thuyết và đời sống Kitô giáo đòi hỏi, như lời thánh Tông đồ : hãy nhấn mạnh khi thuận tiện cũng như khi bất tiện, hãy khiển trách, đe dọa, khuyến khích với tất cả lòng nhẫn nại và chủ tâm dạy dỗ". (LM 6).

Sau cùng, Công đồng đã khuyên nhủ linh mục phải đặc biệt quan tâm và giúp đỡ những người bỏ đạo, những người đau yếu, những người trẻ tuổi và nhất là những người nghèo khổ :

"Tuy mắc nợ mọi người, nhưng các linh mục phải đặc biệt săn sóc những người nghèo khổ và yếu đuối được trao phó cho mình : vì chính Chúa đã tỏ ra là bạn hữu đối với họ và coi việc rao giảng Phúc âm cho họ là dấu hiệu cho công cuộc cứu thế". (LM 6).

III- NHƯ CHIẾC BÁNH BỊ BÊ RA

Tinh thần phục vụ của linh mục phải được biểu lộ ra bên ngoài bằng những việc làm cụ thể, bằng những hành động bác ái yêu thương, bởi vì con người thời nay cần đến những chứng nhân hơn là cần đến những thầy dạy. Chúng ta có thể dùng hình ảnh "chiếc bánh bị bẻ ra" để nói lên tinh thần phục vụ của linh mục.

Đọc lại Phúc âm, chúng ta thấy trước khi làm phép lạ cho bánh hoa nhiều, Chúa Giêsu đã truyền cho các môn đệ :

- "Họ không cần phải đi đâu cả, chính anh em hãy cho họ ăn". (Mt 14,16).

Qua lời truyền dạy này, Chúa Giêsu đã trao cho các ông trách nhiệm phân phát lương thực cho đám đông. Ngày nay, Giáo hội và các linh mục cũng lãnh nhận trọng trách ấy, không phải chỉ về phương diện thiêng liêng mà thôi, nhưng còn về phương diện vật chất trong một phạm vi nào đó, bởi vì nếu thực sự chúng ta có lòng yêu thương chân thành, chắc chắn không ai phải chịu số phận túng quẫn một cách quá đáng.

Sau đó, Chúa Giêsu "cầm lấy năm cái bánh và hai con cá, ngước mắt lên trời, dâng lời chúc tụng, và bẻ ra, trao cho các môn đệ. Và môn đệ trao cho đám đông". (Mt 14,19).

Năm chiếc bánh đã bị bẻ ra và phân phát cho đám đông, để họ được nuôi dưỡng trong nơi hoang vắng khi bóng chiều đổ xuống.

Trong bữa tiệc ly, Chúa Giêsu cũng đã lặp lại những cử chỉ trên khi Ngài thiết lập bí tích Thánh Thể. Phúc âm kể lại rằng :

"Đức Giê-su cầm lấy bánh, dâng lời chúc tụng, rồi bẻ ra, trao cho môn đệ và nói: "Anh em cầm lấy mà ăn, đây là mình Thầy". (Mt 26,26).

Cũng thế, các môn đệ trên đường đi Emmaus đã nhận ra Đức Kitô phục sinh, khi Ngài ngồi cùng bàn và bẻ bánh với họ. (Lc 24,13-25).

Như vậy, chiếc bánh bị bẻ ra ở đây chính là Mình Thánh Chúa, đã trở nên của ăn nuôi sống linh hồn chúng ta.

Sau đó, Chúa Giêsu còn nói với các ông :

- "Anh em hãy làm việc này, mà tưởng nhớ đến Thầy". (Lc 22,19).

Qua lời phán dạy này, Chúa Giêsu đã thiết lập bí tích Truyền chức, để kéo dài hy tế thập giá của Ngài cho đến tận cùng thời gian, đồng thời Ngài còn kêu gọi chúng ta, những người đã nhận lãnh chức vụ linh mục, phải trở nên như chiếc bánh bẻ ra và trao ban bằng chính đời sống đạo đức và thánh thiện, bác ái và yêu thương, dẫn thân và phục vụ tha nhân. Mỗi lần cử hành thánh lễ, chúng ta đọc lại những lời của Chúa khi truyền phép, lẽ nào chúng ta lại không ý thức hơn : cuộc đời linh mục là một hiến tế dâng cho Chúa trên bàn thờ, đồng thời cuộc đời linh mục còn là như một chiếc bánh bẻ ra để nuôi sống người khác.

Không phải chỉ các môn đệ, mà ngay cả các tín hữu sơ khai cũng đã ý thức được tinh thần chia sẻ và phục vụ của bí tích Thánh Thể, như sách Công vụ Tông Đồ đã mô tả : Họ lắng nghe các tông đồ, chuyên cần tham dự nghi lễ bẻ bánh, tức là bí tích Thánh Thể. Nhờ đó, cuộc sống của họ ngập tràn tình bác ái yêu thương : Họ để mọi sự làm của chung và phân phát cho mỗi người tùy theo nhu cầu, nên chẳng ai lâm vào cảnh túng đói. (Cv 2,42-47).

Như vậy Thánh Thể có sức chữa lành căn bệnh ích kỷ, khiến chúng ta tìm thấy được những phương tiện nuôi dưỡng người khó nghèo. Thế giới ngày nay không thiếu lương thực, nhưng thiếu lòng nhân ái để trao ban và chia sẻ. Vậy chúng ta có sẵn lòng chia sẻ cuộc sống của mình với tha nhân hay không ? Chia sẻ tình yêu, kiến thức cũng như của cải vật chất để làm giảm bớt sự nghèo đói trên thế giới ?

Mọi người trong bàn tiệc cùng chia nhau một tấm bánh, là Thân Mình Đức Kitô. Cử chỉ bẻ bánh nói lên thái độ chia sẻ và nếp sống phục vụ của những người tham dự. Vì thế, nói tới Thánh Thể, chúng ta không nên bỏ qua một bài học tuyệt vời và quan trọng. Đó là sự quên mình và vị tha, sự chia sẻ và phục vụ.

Thực vậy, không có gì quên mình và vị tha, không có gì chia sẻ và phục vụ cho bằng trở nên của ăn cho người khác, hay sẵn sàng cho người khác "ăn" mình. Của ăn hiện hữu vì người ăn, chứ không vì bản thân nó. Tất cả mọi sự, để trở thành của ăn, đều phải chết đi mới có thể nuôi sống người ăn mình. Bản chất của ăn chính là chết đi để người khác được sống, bị tiêu hóa để người khác được tồn tại. Bình thường, chúng ta có khuynh hướng bắt người khác trở thành phương tiện phục vụ cho chúng ta. Trong khi đó, biến mình thành của ăn thì ngược lại, sẵn sàng chấp nhận làm phương tiện phục vụ cho người khác.

Cuộc đời Chúa Giêsu là một thứ của ăn. Ngài hiện hữu không phải vì bản thân Ngài, mà hoàn toàn vì Chúa Cha và vì con người. Ngài đã chết để con người được sống. Ngài đã tự hủy để con người được tồn tại. Ngài đã tự hạ để con người được nâng lên... Và trong bí tích Thánh Thể, Ngài đã thực sự trở nên của ăn. Chúng ta ăn Ngài, nhưng cũng đừng quên bắt chước Ngài trong tinh thần ấy. "Anh em hãy làm việc này, mà tưởng nhớ đến Thầy". (Lc 22,19). Tưởng nhớ ở đây không gì tốt hơn và ý nghĩa hơn là noi gương Ngài. Hãy trở nên của ăn cho những người chung quanh bằng thái độ dẫn thân để phục vụ.

KẾT LUẬN

Linh mục là một con người bị ăn. Như chiếc bánh bị bẻ ra để trở nên lương thực nuôi sống con người, linh mục cũng phải sẵn sàng dùng cuộc đời của mình, qua những hành động

bác ái yêu thương, để phục vụ Chúa nơi những người anh em mà mình có dịp tiếp xúc với.

GSVN

VỀ MỤC LỤC

CUỘC VẬN HÀNH CUỐI CÙNG

(Lc 1:39-45)

Đời là cuộc gặp gỡ. Tương quan muôn mặt đã tạo nên biết bao kỳ công trong cuộc đời. Nhưng có cuộc gặp gỡ nào âm thầm và ảnh hưởng sâu đậm bằng cuộc gặp gỡ giữa Mẹ Maria và bà Elizabeth hôm nay ? Cuộc gặp gỡ xác định vị thế và tạo nên mối tương giao đẹp vô cùng giữa Cựu Ước và Tân Ước.

Sau bao thế hệ xúng xính trong các phẩm phục với các nghi lễ sát tế chiên bò, tất cả dân Chúa vẫn không tiến tới mục tiêu nào. Thân xác loài vật trở thành vô nghĩa. Mọi sự đều đậm chân tại chỗ. Cần một cuộc vận hành mạnh mẽ và quyết liệt mới có thể tìm thấy điểm nổi bật trời.

Việc gì phải đến đã đến. Cần một thân xác có giá trị tuyệt đối. Đúng hơn, cần một con người, một nhân vị để thực hiện một công trình lớn lao và đầy ý nghĩa. Nếu không, Thiên Chúa không cứu độ nhân loại. Vì thế, Chúa "đã tạo ... một thân thể"^[1] để làm một "hy lễ và hiến tế"^[2] đích thực. Thiên Chúa có thể tìm thấy nơi đây một "lễ toàn thiêu và lễ xá tội."^[3] Thân thể đó chính là Đức Kitô đã đi vào trần gian. Điều quan trọng nhất không phải là thay thế của lễ, nhưng là ý hướng và bản chất của lễ. "Khi vào trần gian, Đức Kitô nói : 'Lạy Thiên Chúa, này con đây, con đến để thực thi ý Ngài.'"^[4] Thánh Ý Thiên Chúa đã biến thân xác Đức Giêsu thành một của lễ tuyệt vời và đem lại một sức mạnh vượt xa những của lễ chiên bò trong Cựu ước.

Một cuộc vận hành vô cùng lớn lao diễn ra khi "Ngôi Lời đã trở nên người phàm và ở giữa chúng ta."^[5] Cuộc vận hành cuối cùng đã đem lại một ý nghĩa và giá trị tuyệt đối cũng như hồng phúc sung mãn vì đúng theo thánh ý Chúa Cha. Vâng theo Thánh Ý, Đức Giêsu đã làm người để hiến thân và nộp mình chịu chết cho muôn dân. Đây là một hành vi khiêm tốn vô tiền khoáng hậu. Không phải chỉ bỏ một ngai vàng đầy quyền lực hay một kho tàng vô cùng phong phú, nhưng Người còn "khước từ địa vị ngang hàng với Thiên Chúa, trở nên giống phàm nhân, sống như người trần thế" để giúp chúng ta nên giống Người. Đó là bằng chứng hùng hồn về tấm lòng vô cùng quảng đại của Thiên Chúa.

Nhờ đó, chúng ta nhớ mình đã được dựng nên giống hình ảnh Thiên Chúa, giống ở tấm lòng quảng đại. Khả năng yêu thương nơi mỗi người là dấu ấn của Tạo Hóa. Đó là một cơ may, nhưng cũng là một thách đố, vì lòng quảng đại không tự phát. Lòng bác ái không xây dựng một lần rồi thôi. Trái lại, cần phải học hỏi không ngừng mới có thể yêu thương và quảng đại. Bài học yêu thương đó có thể tìm được trong biến cố Ngôi Lời Nhập thể. Nơi đây chúng ta gặp gỡ vị tôn sư và được dạy cách thức cho đi, hy sinh và quên mình.

Bài học đó nổi bật khi Mẹ Maria thăm viếng nhà ông bà Giacaria và Elizabeth. Được Chúa hoàn toàn chiếm đoạt và cư ngụ, Mẹ đã có thể đón trước nhu cầu tha nhân. Mới nghe tin thiên thần báo về biến cố gia đình ông bà, không đợi ông bà Giacaria lên tiếng, Mẹ đã mau chóng lên đường giúp đỡ chị họ mang thai lúc tuổi xế bóng. Hòa chung một nhịp với Ngôi Lời Nhập Thể, Mẹ minh họa tấm lòng quảng đại của Thiên Chúa qua cuộc thăm viếng đó. Không có Mẹ, chúng ta khó biết được Ngôi Lời đã hy sinh tới mức nào. Nhờ Ngôi Lời hiện diện và Thánh Linh thúc đẩy, Mẹ đã lên đường. Bước đi của Mẹ như vẽ ra trước mắt mọi người con đường Ngôi Hai từ trời xuống thế.

Khi vừa gặp Mẹ Maria, bà Elizabeth đã ca ngợi và chúc tụng Mẹ và Quả Phúc trong lòng Mẹ là Chúa Giêsu, Thiên-Chúa-ở-cùng-chúng-ta. Khác với quả cây biết lành biết dữ,^[6] Quả Phúc Mẹ hái cho nhân loại hôm nay hoàn toàn là kết quả việc Mẹ vâng phục Thánh Ý Thiên Chúa. Ngày xưa, vì Evà bất tuân, quả cây biết lành biết dữ trở thành đại họa. Thay thế quả cây ấy, Quả Phúc của Mẹ đã tác phúc cho toàn thể vũ trụ. Gioan Tẩy Giả là người đầu tiên

đón nhận được hồng ân từ Quà Phúc ấy. Sự hiện diện của Mẹ thật vô cùng cần thiết và ý nghĩa cho nhà Giacaria. Vì nhờ Mẹ, Gioan đã cảm nhận sự hiện diện của Đấng Cực Thánh là Chúa Giêsu Kitô.

Khi gặp bà Elizabeth, Mẹ Maria đã được ca ngợi là “có phúc vì đã tin Lời Chúa phán với em [Đức Maria] sẽ thành tựu.” Mẹ đã chia sẻ Quà Phúc đó với gia đình Giacaria, để từ nay chúng ta cũng thấy mình hạnh phúc khi thực sự sống trong sự hiện diện đầy hồng ân của Thiên Chúa nơi Đức Giêsu cùng với Mẹ Maria. Cuộc gặp gỡ giữa Mẹ và bà Elizabeth mạc khải một chiều kích siêu nhiên năng động trong các mối liên hệ giữa con người hôm nay. Chúa Giêsu trở thành trung tâm trong các mối liên hệ đó. Mối liên hệ với Chúa có một tên gọi là đức tin. Đức tin không bất động hay tê cứng, nhưng luôn hoạt động để đưa con người về với Thiên Chúa.

Nhìn vào trung tâm cuộc thăm viếng đó, chúng ta thấy Mẹ đã tin tưởng, phó thác, và hoàn toàn tín nhiệm vào Lời Thiên Chúa. Mẹ đã tin một điều không thể tin, để thấy những việc không thể thực hiện đã xảy ra. Chúa Thánh Linh đang kêu gọi chúng ta noi gương Mẹ tin tưởng và phó thác vào Lời Thiên Chúa. Nếu nghe lời Thiên Chúa, chúng ta sẽ được Chúa Thánh Linh ban cho niềm tin như Mẹ. Nếu tin, chúng ta sẽ chứng kiến những việc ngoài sức tưởng tượng, vì “đối với Thiên Chúa, không có gì không thể làm được.” Nếu không có đức tin, ngay điều có thể xảy ra cũng không xảy ra được.

Nhờ có đức tin sâu xa, Mẹ đã chứng kiến một biến cố vĩ đại vượt ngoài sức tưởng tượng ngay trong lòng và trong cuộc thăm viếng hôm nay. Mẹ đã trả lời thiên thần : “Việc ấy xảy ra thế nào được ?” Nhưng “việc ấy” vẫn xảy ra. Thánh Linh thực hiện một biến cố vô tiền khoáng hậu trong lịch sử : Con Thiên Chúa Nhập Thể trong lòng Trinh Nữ Maria. Nếu việc lớn lao như thế Thánh Linh còn làm được, thì những việc chúng ta đang cầu khẩn hôm nay cho Giáo Hội và xã hội, cá nhân và gia đình có đáng chi ?

Chỉ cần tin như Mẹ, chúng ta sẽ thấy những việc lớn lao trong lịch sử nhân loại và dân tộc. Niềm tin phải trở thành động lực cho việc cầu nguyện và dẫn thân hành động. Từ niềm tin vào Lời Chúa, Mẹ đã cầu nguyện và lên đường. Nếu không có niềm tin đó, cũng chẳng có những lời ca cảm tạ và chúc tụng từ tâm hồn Mẹ và bà Elizabeth. Nếu không tin, cũng chẳng có cuộc thăm viếng hôm nay. Ai sẽ lường được những gì xảy ra cho Gioan Tẩy Giả bây giờ và sau này ?

Niềm tin nơi Mẹ ảnh hưởng sâu xa và mãnh liệt tới hiện tại và tương lai dân Chúa. Tới tận bây giờ chúng ta vẫn thấy niềm tin của Mẹ là một lời mời gọi chúng ta nhập cuộc với Mẹ lên đường thăm viếng những người đang cần đến chúng ta. Cũng như bà Elizabeth cần đến Mẹ, những người già yếu, nghèo khổ, bệnh tật cũng đang cần đến chúng ta. Biết bao người đang đói khát sự công chính, Lời Chúa, tình yêu. Niềm tin của chúng ta tới đâu rồi ? Nếu niềm tin đang sống động thật trong lòng ta, tại sao không lên đường ? Thực tế có những điều không ai muốn thấy, nhưng vẫn xảy ra. Càng sống càng thấy rõ “đức tin không hành động là đức tin chết.”

Đức tin đã chết thì chẳng còn gì tồn tại được. Mọi lời nói, hành động, công trình và cả cuộc đời đều trở thành vô nghĩa. Lời kinh cũng rỗng tuếch. Nghi lễ chỉ là những trò bịa đặt, lừa đảo. Nếu có đức tin, quyền lực sẽ trở thành phương tiện phục vụ rất tốt. Nếu không, quyền lực trở thành ách thống trị nặng nề và không chịu đựng nổi. Không có thể đối thoại và đóng góp nữa. Đó là cơ hội cho người nắm quyền tự kiêu tự đại và rời xa quần chúng. Nắm quyền là nắm được sự thật. Không bao giờ có thể nhích gần anh em. Cộng đoàn trở thành quán trọ hay sa mạc hoang vu ...

Lạy Chúa, xin cho con một niềm tin sống động như Mẹ để có thể cùng anh em dẫn thân phục vụ muôn người. Amen.

đỗ lực, 24.12.2006

dzuize@gmail.com

[1] Dt 10:5. [2] ibid. [3] ibid., 6. [4] ibid., 7. [5] Ga 1:14. [6] x. St 2:9

MÀU NHIỆM TÌNH YÊU GIÁNG SINH

Chúng ta cử hành đại lễ Giáng sinh trong bầu không khí hân hoan và phấn khởi. Nhưng chúng ta có cảm thấy một cái gì khác lạ trong mùa Giáng sinh năm nay không ? Nếu không, mùa Giáng sinh đến rồi cũng lại qua đi như bao mùa Giáng sinh trước. Hãy nhìn vào hang đá và chúng ta thấy gì qua màu nhiệm Giáng sinh trong đêm thánh Noel ? Một tình yêu bao la của Thiên Chúa đã đến với con người. Có thần minh nào đã yêu thương con người như Thiên Chúa chúng ta đã yêu thương chúng ta không ? Tại sao Thiên Chúa đã nhập thể ? Đây là ý nghĩa của màu nhiệm Giáng Sinh ?

Để hiểu được tình yêu của Thiên Chúa qua màu nhiệm Giáng Sinh, chúng ta hãy sống lại những tháng ngày khi tình yêu chúng ta vừa chớm nở, chúng ta đã cảm thấy gì ? Chúng ta cảm thấy nhớ nhớ thương thương một con người nhưng chúng ta không biết lý do tại sao . Chúng ta chỉ biết có điều này là khi xa nhau chúng ta thấy nhớ và khi được gần nhau chúng ta thấy mừng. Đó là một trong những dấu chỉ chúng ta bắt đầu biết yêu. Và cũng từ giờ phút ấy chúng ta cố gắng đi tìm những cách thế để được gặp nhau.

Chúng ta có câu: Hữu duyên thiên lý năng tào ngộ. Một khi đã có duyên nợ với nhau, dẫu có xa nhau vạn dặm, chúng ta cũng tìm đủ mọi cách thế để được gần nhau. Và đó cũng là kinh nghiệm mà hầu hết chúng ta đều đã trải qua.

Tình yêu của Thiên Chúa đối với chúng ta cũng thế đó. Vì yêu thương con người nên Ngài muốn sống gần với con người và muốn sống chung với con người. Nếu Thiên Chúa sống ở một khung trời khác biệt, làm sao Thiên Chúa có thể tỏ cho con người thấy được tình yêu của Ngài. Ngài biết con người sống nhờ cảm quan của mình. Con người cần thấy, cần nghe, cần đụng chạm mới có thể hiểu được và cảm nghiệm được. Chính nhờ cảm quan, con người bắt đầu hiểu được thế nào là con người, con vật, cái nhà , cái xe, hay sông ngòi, biển cả... Cũng nhờ cảm quan con người mới có thể hiểu được thế nào là tình yêu. Khi nhìn thấy người mẹ chăm sóc con, bế con, nâng niu con, vỗ về con, ấp ủ con, bao che con, tỏ vẻ với con, tươi cười với con, từ những cử chỉ âu yếm đó, từ những ngôn từ dịu ngọt đó, đứa con bắt đầu hiểu được thế nào là tình yêu.

Nói đến đây tôi chợt nhớ đến câu chuyện của cô gái Helen Keller. Khi vừa được mười chín tháng, một cơn đau màng óc đã khiến cô gái bất hạnh này trở thành mù lòa và câm điếc. Thế giới của âm thanh và màu sắc đã không còn ý nghĩa gì với cô. Làm thế nào để truyền đạt kiến thức cho một con người vừa câm điếc lại vừa mù lòa ? Cha mẹ của cô đành chịu bó tay. Nhưng may thay, có một cô giáo tên là Anna Sullivan đã không muốn bỏ cuộc. Hy vọng duy nhất mà cô giáo này còn nuôi lấy là: có thể truyền thông và liên lạc với cô gái mù lòa và câm điếc này bằng việc tiếp xúc với đôi bàn tay của cô. Và cũng chỉ có thể tiếp xúc với thế giới bằng đôi tay, nhưng cô bé đã có thể học xong đại học, tốt nghiệp với văn bằng tiến sĩ và đã trở thành văn sĩ.

Cho cô bé mù lòa và câm điếc chạm vào một sự vật và viết lên tên gọi của sự vật ấy, đó là phương pháp của cô giáo Anna Sullivan. Dạy về những sự vật cụ thể thì không có gì là khó. Nhưng làm thế nào để diễn tả cho Helen hiểu được những ý niệm trừu tượng như tình yêu chẳng hạn ?

Ngày kia, cô giáo Anna Sullivan đã viết lên tay của cô Helen hai chữ tình yêu rồi ôm lấy cô bé hôn lấy hôn để với tất cả tấm lòng chân thành và nhiệt tình của cô. Lần đầu tiên trong đời, cô gái câm điếc và mù lòa bỗng cảm thấy con tim mình đập mạnh và từ bấy giờ cô đã hiểu được thế nào là tình yêu.

Để giúp chúng ta có thể hiểu được thế nào là TÌNH YÊU GIÁNG SINH, chúng ta cũng cần nên biết thêm về những loại ngôn ngữ của tình yêu. Có hai loại ngôn ngữ của tình yêu:

1. Lời nói: Thiên Chúa không muốn dùng tiếng nói của thiên thần hay một tạo vật nào khác mà chỉ muốn dùng tiếng nói của con người để biểu lộ tình yêu của Ngài cho con người,

nhờ thế con người mới có thể hiểu được những gì Thiên Chúa muốn nói với con người. Chính vì thế, đêm nay Con Thiên Chúa đã nhập thể để chung sống với con người, để học chính ngôn ngữ của con người, và rồi cũng dùng chính ngôn ngữ ấy đi khắp miền đất Do Thái rao giảng Tin Mừng cứu độ cho những con người tội lỗi, cho những con người nghèo khổ, những con người bị hắt hủi khinh khi, những con người bị tù đày áp bức..... nói chung những con người đang sống trong tuyệt vọng để mang lại cho họ niềm Hy Vọng được cứu sống.

2. Ngôn ngữ không lời: Đó là ngôn ngữ của những cử chỉ, những nụ cười, những ánh mắt, những giọng lệ, hay những quà tặng chúng ta trao gởi cho nhau.

Những ngày mới yêu nhau chúng ta chẳng có gì để nói, cũng không biết phải nói gì. Ngồi bên nhau qua ánh mắt, qua nụ cười, dẫu trong im lặng chúng ta cũng có thể đọc được tất cả đáy lòng đang tràn ngập tình yêu dạt dào muốn trao tặng cho nhau. Nhìn ánh mắt lung linh của người bạn tình, chúng ta có thể đọc được tâm trạng của họ đang tràn ngập niềm vui sướng hay đang chất đầy những nỗi buồn lo cho một tương lai sắp bị chia cách mà chỉ có những người bạn chân tình mới có thể hiểu được.

Thường thì ngôn ngữ không lời trung thực hơn lời nói vì người ta có thể dùng lời nói để đánh lừa người khác một cách dễ dàng, nhưng người ta khó có thể đánh lừa chính mình được. Vì thế, khi con người nói dối, cho dẫu họ có khéo đóng kịch cách nào đi nữa thì lương tâm họ cũng vẫn cảm thấy có một cái gì ngại ngùng, bất an mà dưới con mắt của những nhà chuyên môn họ có thể nhận ra được.

Chẳng hạn, khi hai người yêu nhau chân thành, họ có thái độ cử chỉ của tình yêu khác với thái độ của con người đóng kịch. Cũng những nụ hôn, nhưng nụ hôn của những người tình trao tặng cho nhau một cách chân tình và đắm đuối khác xa với nụ hôn của Giuđa trao tặng cho Chúa nơi vườn Cây Dầu.

Thật vậy, khi hai người thật sự yêu nhau họ không cần phải nói nhiều, nhưng họ có thể đọc được tất cả những ý muốn của nhau bởi lẽ họ luôn để ý đến nhau, muốn chăm sóc cho nhau và luôn muốn cho người mình yêu được hạnh phúc. Vì thế, người chưa hiểu được những ước muốn sâu xa của người bạn mình qua ánh mắt, qua nụ cười, cũng như qua tiếng lòng thổn thức thì chưa phải là người bạn đích thực.

Thiên Chúa cũng muốn đối xử với con người trong cách thể của những người bạn chân tình cư xử với nhau. Khác xa với những người biệt phái, những người chỉ có những con tim chai đá và một cuộc sống cách biệt quần chúng. Thiên Chúa thì không như thế. Ngài rất gần gũi với con người và có một con tim luôn biết nhạy cảm trước những khổ đau của con người. Vì thế, khi nhìn thấy những dòng lệ thống hối của Maria Madalena, Chúa biết chị ta đang muốn gì cho dẫu chị ta không nói lên một lời nào ? Chúa biết chị không muốn gì khác hơn là một sự tha thứ nên Chúa đã tha thứ cho chị để tâm hồn chị được an bình.

Với người đàn bà bị bắt quả tang đang phạm tội ngoại tình. Mọi người đều lên án bà. Không một ai xót thương bà. Nhưng Chúa thì khác. Chúa đã nhìn thấy nơi khuôn mặt bà, nơi khóe mắt bà ẩn chứa một nỗi buồn thống hối. Bà không dám nói, không dám van xin, nhưng tự đáy lòng muốn cất lên lời tạ lỗi. Chúa đã nhìn thấy thực tâm của bà, và vì thế với một giọng đầy yêu thương, Chúa đã vỗ an bà: Không ai lên án bà sao? Thưa Thầy không! Tôi cũng không lên án bà. Hãy đi và đừng phạm tội nữa. Oi lời dịu vợi, lời cao đẹp, lời đầy yêu thương, lời đầy sức sống. Chính những lời ân cần đó đã mang lại cho bà một sức sống mới với một tinh thần mới.

Nhìn thấy bà goá thành Naim đang gào khóc bởi đứa con trai độc nhất của bà đã chết. Bà khóc nhiều bởi lẽ niềm hy vọng duy nhất của bà vào đứa con không còn nữa. Bà đang trên đường đi chôn con bà. Mỗi bước đi của bà lúc này là một mũi dao đâm nát tâm hồn bà, vì chỉ còn một chặng đường ngắn ngủi nữa là bà sẽ chôn vùi đứa con bà vào lòng đất. Không phải bà chỉ chôn đứa con mình vào lòng đất, nhưng chính khi bà chôn nó bà cũng chôn luôn cả đời bà, vì từ đây bà không còn một người thân nào trên đời để nương tựa. Chính vì thế, bà đã khóc nhiều, khóc vì đau khổ, khóc vì tuyệt vọng, khóc vì thương tiếc, thương cho số phận không may của đứa con mình phải ra đi, nhưng cũng thương cho số phận hẩm hiu của mình còn ở lại. Chúa nhìn thấy nỗi khổ tâm của bà. Chúa đã xúc động và Chúa đã cứu con bà.

Thiên Chúa đã xuống trần gian đêm nay dưới hình hài của một con người, một con người bé bỏng, một con người thấp hèn, một con người tầm thường để mọi người có thể đến mà

không phải sợ sệt. Chỉ trong thân phận của một con người, Ngài mới có thể dùng lời nói cũng như hành động để chia sẻ với chúng ta tất cả những nỗi nhọc nhằn đắng cay của một kiếp người, để từ đó chúng ta mới có thể cảm nghiệm được tình yêu bao la của Thiên Chúa đối với con người, một tình yêu có thể nói được vượt quá xa sức tưởng tượng của con người chúng ta, vì quả thật không còn tình yêu nào lớn hơn mối tình của người dám hy sinh mạng sống mình cho người mình yêu.

Thiên Chúa đã đến trần gian dùng lời nói cũng như chính cuộc sống mình minh chứng tình yêu của Ngài cho con người. Chúng ta cũng hãy bắt chước Ngài, hãy trao cho nhau những lời nói cũng như những cử chỉ yêu thương ngọt ngào để an ủi, khích lệ và nâng đỡ nhau. Hãy biến thế giới bất hạnh này trở nên một thế giới trong đó người người biết yêu thương và mang lại hạnh phúc cho nhau. Đó chính là SỨ ĐIỆP mà Thiên Chúa muốn trao tặng cho chúng ta trong mùa GIÁNG SINH này.

Lm. Lê Văn Quảng

VỀ MỤC LỤC

Chuồng súc vật

Chúa Giêsu, con Thiên Chúa, đã sinh ra làm người trong chuồng súc vật. Kinh Thánh thuật lại như vậy (Lc 2, 1-20). Và Chuồng súc vật từ ngày đó trở nên dấu chỉ cho đời sống, như nhà phân tâm C.G. Jung đã suy tư.

Với nhiều người, nhất là ở miền thôn quê, đời sống và cảm giác người dân hầu như gắn liền với Chuồng súc vật. Ở thôn quê, hay nơi có trại nuôi súc vật, ngày nào, vào buổi sáng, mẹ hay cha, có khi cả con cái lớn cũng phải thu dọn quét chuồng súc vật cho sạch sẽ. Chuồng súc vật trở nên quan trọng cho đời sống của họ. Mùi thoát ra từ chuồng súc vật với họ không còn xa lạ hay khó ngửi nữa, nhưng thành quen thuộc. Nó mang đến cho họ cảm giác quê hương và chút gì đầm ấm nữa.

Trong chuồng súc vật các con vật ăn ngủ, đứng nằm sinh sống. Chúng sinh con. Có khi có cả súc vật nằm chết trong đó. Cũng trong chuồng súc vật, không phải chỉ súc vật mẹ lo lắng cho con nhỏ của mình, mà cả người chủ chăm sóc chúng cũng có những lo lắng cho chúng nữa. Trong chuồng súc vật niềm vui, nỗi buồn phiền lo lắng luôn quấn quýt vào nhau khi lên cao lúc xuống thấp.

Người lớn, trẻ con khi đến chuồng súc vật thường hay dừng lại nói chuyện ve vuốt chúng, nhất là với những con vật còn nhỏ. Những con vật cũng kiên nhẫn ngẩng đầu lờ lờ hướng mắt nhìn người, vành tai lên lắng nghe. Chúng phát tỏa hơi nóng từ thân thể sưởi ấm mình và cả chuồng.

Chuồng súc vật được thu quét dọn khi súc vật đi ra khỏi. Nhưng sau đó phân hay đất cát do súc vật mang tha vào hay thải ra lại pha trộn lẫn lộn với rơm hay cỏ khô rải trên nền chuồng. Nên chuồng súc vật luôn luôn phải được thu quét dọn.

Phân thú vật thải ra tuy dơ bẩn hôi thối, nhưng lại là chất phân bón hữu cơ, còn gọi là phân xanh, rất tốt cho cây cối, lúa mạ ngoài đồng ruộng. Hình ảnh này cũng vẽ lên hình ảnh tâm hồn con người, nơi không phải lúc nào cũng sạch, không có vết nhơ tội lỗi, không có mầm sinh ra hướng về sự dữ điều xấu xa.

Nhiều khi ta tìm cách đè nén đẩy những điều đó xuống bên dưới. Trên tầng bề mặt xem ra đẹp đẽ sạch sẽ, nhưng một lúc nào đó nó sẽ chùng thối phỉ ra. Như tính khí ai đó bỗng trở nên hung dữ, đang xưa nay khi bề ngoài xem ra vui vẻ hòa nhã. Vì sự lạnh lùng ẩn dấu đằng sau. Và khi cơ hội bùng lên, mũi tên giận dữ sẽ phát tỏa bay bùng ra.

Có người cố che dấu nhu cầu mình mong ước. Nhưng thật ra họ không có bình an trong tâm hồn. Nỗi bất an cứ luẩn quẩn xâm chiếm họ trong suốt đời sống, vì không được toại nguyện, cho tới khi được thỏa mãn.

Có người dẫu kín hay không muốn nói đến nỗi tủi nhục, sự đau khổ thời còn trẻ niên thiếu của mình. Vết thương đó được băng bó cho khỏi rỉ máu, nhưng nó không được chữa lành cho khỏi. Đến một lúc nào đó, nó sẽ sưng mủ làm độc và gây ra hậu quả thiệt hại cho tâm hồn.

Trong đồng hỗn độn, tối tăm tội lỗi đó, tương tự như trong chuồng súc vật, Chúa Giêsu đã sinh ra. Chúng ta không thể sửa soạn một căn phòng sạch sẽ cho Chúa sinh ra, nhưng Ngài đã sinh ra trong căn chuồng dơ bẩn ngổn ngang của tâm hồn ta, vì tình yêu mến con người.

Căn chuồng Chúa Giêsu sinh ra chan hòa ánh sáng ấm áp hòa dịu chiếu tỏa từ nơi Ngài. Ánh sáng đó không đốt cháy thiêu hủy những rác rưởi dơ bẩn trong chuồng, nhưng soi rõ giúp nhìn ra tình trạng mình như thế nào.

Chất thuốc hóa học, ngày nay thường dùng để tẩy rửa những dơ bẩn, rỉ sét trên tường vách, nền nhà, gỗ đá, nhưng không thể tẩy rửa bôi xóa những vết dơ bẩn, đau khổ, tội lỗi trong căn chuồng tâm hồn con người. Ánh sáng của Chúa Giêsu sinh ra chiếuọi vào vùng tối tăm hỗn độn đó, có sức biến đổi thành niềm vui, sự an ủi và mang đến cảm giác tình tự quê hương cho con người.

Lm. Nguyễn ngọc Long

VỀ MỤC LỤC

Thiếu Giáo Dục có thể đưa tới hậu quả là cuồng tín tôn giáo

Các nhà nghiên cứu nhận thấy rằng, trên thế giới hiện nay, các quốc gia khối Hồi Giáo có trình độ giáo dục thấp nhất và chính sự khiếm khuyết về giáo dục này là môi trường thuận lợi cho sự cuồng tín tôn giáo tồn tại và bùng phát.

Hiện nay, Hồi Giáo trên thế giới được ước lượng có khoảng 1 tỷ 400 triệu tín đồ, tập trung trong 57 quốc gia. Tại tất cả các nước này chỉ có khoảng 500 trường đại học, trong khi tại Hoa Kỳ đã có 5.758 trường và Ấn Độ 8.407 trường!

Cuốn "Academic Ranking of World Universities" của Trường Đại Học Shanghai Jiao Tong ấn hành năm 2004 cho biết hiện nay có đến 90% số tín đồ Thiên Chúa Giáo trên thế giới biết đọc và biết viết, trong khi tín đồ Hồi Giáo chỉ có 40%.

Trong cộng đồng Thiên Chúa Giáo, số người có trình độ trung học lên đến 98%, trong khi cộng đồng Hồi Giáo dưới 50%. Tài liệu trên cũng cho biết số tín đồ Thiên Chúa Giáo bậc đại học khoảng 40% trong khi Hồi Giáo chỉ có 2%.

Cứ mỗi 1 triệu dân, Hoa Kỳ có 4.000 nhà khoa học, Nhật Bản có 5.000 nhà khoa học, trong khi các quốc gia có đông dân Hồi Giáo chỉ có 230 nhà khoa học trên mỗi 1 triệu người mà thôi. Trong thế giới Ả Rập, chỉ có 50 nhà kỹ thuật trên mỗi 1 triệu dân Ả Rập.

Về phương diện phổ biến văn hóa trong dân chúng, ở Singapore khoảng 1.000 dân có 360 tờ báo, còn ở Pakistan, 1.000 dân chỉ có 23 tờ báo. Ở Anh Quốc, mỗi triệu dân có 2.000 đề tựa sách, trong khi ở Ai Cập, mỗi triệu dân chỉ có 20 tựa sách!

Vài con số thống kê vừa trình bày cho chúng ta thấy các nước trong thế giới Hồi Giáo thiếu khả năng tạo ra kiến thức. Sở dĩ tỷ lệ thất học và kiến thức trong khối Hồi Giáo thấp như vậy, trước tiên là vì luật Hồi Giáo không cho phép phụ nữ đi học, trong khi số tín đồ phụ nữ luôn chiếm trên 50% tổng số tín đồ Hồi Giáo. Ngoài ra, các tín đồ Hồi Giáo thường chỉ được khuyến khích học văn hóa vừa đủ để có thể học giáo lý Hồi Giáo mà thôi. Vì thiếu trình độ văn hóa, đa số tín đồ Hồi Giáo bị nhốt chặt trong những tín điều cứng nhắc, không hề biết thế giới bên ngoài có những gì khác hơn và văn minh hơn hay không. Vì thế, lúc nào họ cũng sẵn sàng vâng lệnh các giáo sĩ của họ, và nếu số giáo sĩ này là những thành phần hoạt đầu chính trị thì thật là một thảm họa! Rất nhiều tín đồ Hồi Giáo đã được sống với các cộng đồng

khác trên thế giới và được đối đãi rất tử tế, và rất mong muốn cộng đồng của họ tại quê nhà sớm được giải thoát khỏi tình trạng lạc hậu, bị kềm hãm, mất nhiều thứ tự do, nhất là giới phụ nữ. Họ ước ao những đồng đạo và đồng hương của họ được sống như những con người có nhân phẩm và được hưởng những tiện ích của thế giới văn minh ngày nay. Nhiều người đã đứng lên tranh đấu để giải phóng đồng bào họ, nhưng rất khó khăn.

Một thí dụ cụ thể là trường hợp của bà Taslima Rasreen, nữ văn sĩ Bangladesh. Trước tiên bà viết cuốn Lajja, có nghĩa là "Sự Tội Hổ" để nói lên thân phận của người phụ nữ Hồi Giáo ở đất nước bà. Cuốn sách này đã bị các giáo sĩ Hồi Giáo tịch thu và cấm các tín đồ đọc. Bà viết cuốn thứ hai có tên là Utal Hawa. Đây là một tập tự truyện kể lại cuộc đời tủi nhục của bà khi sinh ra và lớn lên trong cộng đồng Hồi Giáo. Sách này cũng bị tịch thu và bị cấm đọc. Bà viết cuốn thứ ba có tên là "Tuổi thơ nữ" để nói lên thân phận của các em gái Hồi Giáo. Ngay sau đó, cả chính quyền Hồi Giáo lẫn các giáo sĩ đã cho thi hành những biện pháp cứng rắn đối với bà. Sách của bà bị cấm in, cấm phát hành, cấm bán, cấm lưu trữ và cấm sở hữu tại xứ sở này. Ai bất tuân sẽ bị trừng phạt nặng. Lý do bị cấm là vì những sách đó có chứa đựng những tình cảm bài bác Hồi Giáo, có thể làm bùng nổ những xung đột tôn giáo, và làm mất sự đồng bộ về chính trị cũng như xã hội. Bà phát biểu:

"Nói trắng ra là như thế này: làm gì có cái gọi là sự đồng bộ về chính trị và xã hội tại quê hương tôi. Nếu có, thì cái đám khủng bố chính trị cũng như tôn giáo đã bị xua đuổi từ đời nào rồi. Những tội ác, sát nhân cứ thế mà sinh sôi nảy nở, những phụ nữ cứ mãi bị hãm hiếp, có những người phải tự tử sau đó. Hàng ngàn trong số họ bị đánh đập, bị ném đá cho tới chết. Từ khi tôn giáo trở thành sức mạnh cơ bản, không có không được, để xây dựng quốc gia, sự tra tấn cứ thế phát triển lên mãi. Đám chính thống đã thiêu hủy tới tận cùng điều gọi là tình tự giữa người và người. Nếu chẳng có ai lên tiếng chỉ trích thì rồi đây chẳng còn ai có được điều gọi là thiên lương, nghĩa là chẳng còn ai dám cho rằng mình suy nghĩ đúng. Những tình cảm tôn giáo như thế đó sẽ làm cho đất nước chúng tôi sống lùi lại trong nhiều năm, về tất cả mọi mặt. Dưới Hồi Giáo, phụ nữ chỉ được coi như là nô lệ, và là những món đồ chơi, phục vụ tình dục, chẳng có một người nữ nào có được cái quyền sống, như một con người. Nếu bạn thực tình muốn làm một điều tốt cho những xứ sở Hồi Giáo, bạn phải chống lại Hồi Giáo."

Nhìn lại Quê Hương Việt Nam của chúng ta, tình trạng bệ rạc và hỗn loạn trong ngành giáo dục cũng rất đáng lo ngại. Theo tài liệu được công bố năm ngoái, hiện nay trên toàn quốc có 93 trường đại học, 137 trường cao đẳng và 37.270 trường học từ mầm non đến phổ thông. Số người có trình độ đại học được ước lượng khoảng gần 3%. Nếu so với các nước Đông Nam Á, những con số này phải nói là quá thấp. Kèm kẹp dân chúng trong tình trạng yếu kém về kiến thức để dễ sai khiến là chủ trương của các chính quyền Hồi Giáo, giáo sĩ Hồi Giáo cũng như các chính quyền độc tài và cộng sản. Muốn phá vỡ sự kềm hãm này, phải tìm cách nâng cao trình độ học vấn của dân chúng, về cả mặt văn hóa lẫn chính trị. Bà Taslima Rasreen nói rằng "Nếu bạn thực tình muốn làm một điều tốt cho những xứ sở Hồi Giáo, bạn phải chống lại Hồi Giáo."

Lê Tinh Thông

VỀ MỤC LỤC

II. THẦN HỌC VỀ ĐỜI SỐNG THÁNH HIẾN TỪ VATICAN II

A. Công đồng Vatican II

Mặc dầu đời tu đã hình thành từ thế kỷ III, nhưng thần học về đời sống thánh hiến mới phát triển từ công đồng Vatican II. Trước đây, người ta quá chú trọng đến khía cạnh luân lý và luật lệ. Từ đó dẫn đời tu đến chỗ sống khắc kỷ và vụ luật: cố gắng luyện tập các nhân đức và giữ mình để tránh phạm tội nghịch với các lời khấn. Công đồng Vatican II muốn kéo đời tu ra khỏi não trạng hẹp hòi đó (nhưng vẫn coi trọng sự khổ chế, vì ba lời khấn dòng cũng đã là những hình thức khổ chế rồi) và giúp họ ý thức được lý tưởng của mình là *bước theo Chúa Kitô*. Đời tu không chỉ giới hạn vào việc "tu thân" hay "giữ luật," mà còn là một lý tưởng sống: bước theo sát Chúa Kitô trình khiết, khó nghèo và vâng phục. Quy luật tối cao của đời tu là Chúa Kitô và Tin mừng. Công đồng trình bày nền tảng đời tu dựa trên ba lời khuyên

Phúc âm, chứ không nói đến lời khẩn; vì các tu hội đời và tu đoàn tông đồ chỉ có lời hứa hoặc một hình thức nào đó, chứ không có lời khẩn. Nhưng khi trình bày như vậy, công đồng cũng nhằm mục đích là muốn những người tận hiến xem các lời khuyên Phúc âm như là những lời mời gọi của Chúa Kitô, chứ không phải là những ràng buộc của luật lệ. Bộ Giáo luật, được coi là văn kiện cuối cùng của công đồng, cũng được viết theo cái nhìn mới này: chú trọng đến khía cạnh thần học và tu đức. Luật giúp con người thăng tiến, phát triển đời sống thiêng liêng, chứ không uốn nắn theo những qui tắc. Bộ giáo luật đã trình bày thần học phong phú về đời tu trong mối liên hệ giữa ba lời khuyên Phúc âm với Thiên Chúa Cha, Chúa Kitô, Chúa Thánh Thần và Giáo hội. Thật vậy, bộ giáo luật đã viết: "Đời sống thánh hiến qua việc tuyên giữ các lời khuyên Phúc âm là một lối sống bền vững, nhờ đó, **dưới tác động của Chúa Thánh Thần**, các tín hữu **bước theo sát Chúa Kitô hơn, tự hiến hoàn toàn cho Thiên Chúa** mà họ yêu mến trên hết mọi sự, ngõ hầu, một khi đã hiến thân với một danh hiệu mới và đặc biệt, để tôn vinh Thiên Chúa và **xây dựng Hội thánh** cùng mưu cầu phần rỗi cho thế giới, họ theo đuổi đức ái hoàn hảo trong việc phục vụ nước Chúa và một khi đã trở thành dấu chỉ rực rỡ trong Hội thánh, họ tiên báo vinh quang trên trời." (Can 573 §1)

Tận hiến hoàn toàn cho Thiên Chúa: Cốt yếu của đời tu là sự tận hiến cho Thiên Chúa. Đó là một lối sống bền vững, được hình thành do việc tận hiến toàn thân cho chỉ một mình Thiên Chúa (x. PC 5). Vì yêu thương, Thiên Chúa đã tuyển chọn và thánh hiến họ để họ trở thành sở hữu của Ngài. Nhận thức được điều đó, họ hoàn toàn tận hiến cho Thiên Chúa, hoàn toàn thuộc về Chúa với một trái tim không chia sẻ. Họ được thánh hiến cho Thiên Chúa, hoàn toàn trao hiến mình cho Thiên Chúa bằng cách dâng lên Ngài một tình yêu trọn vẹn nhất (x. LG 44) Giá trị của đời tu được đo lường ở mức độ tình yêu ấy. "Đời sống tu trì, xét như là sự thánh hiến của cả con người, biểu lộ trong Giáo hội cuộc kết hôn huyền diệu do Thiên Chúa thiết lập, là dấu chỉ của đời sống mai hậu. Như thế, tu sĩ hoàn tất sự dâng hiến trọn vẹn như là một hy tế dâng cho Thiên Chúa. Nhờ đó, tất cả cuộc sống của mình trở thành việc thờ phượng liên li trong đức ái." (Can 607 §1) Công đồng nêu bật ơn gọi nên thánh của đời sống tu trì và bản chất của đời tu là bước theo Chúa Kitô, hiến trọn đời để phục vụ Thiên Chúa và công cuộc cứu độ của Ngài. Đây là lối sống diễn tả tình yêu trao hiến toàn thân cho Thiên Chúa và nhân loại.

Bắt chước Chúa Kitô: Mẫu gương tuyệt vời của sự tận hiến ấy là chính Chúa Kitô. Thật vậy, bản chất của đời tu là bước theo Chúa Kitô như công đồng nói: "Theo Chúa Kitô như Phúc âm dạy là tiêu chuẩn tối hậu của đời tu trì, nên tất cả các hội dòng phải coi tiêu chuẩn ấy như là qui luật tối thượng." (PC 2) Tuy nhiên, việc bước theo hay bắt chước Chúa Kitô chưa xác định rõ căn tính của đời tu, vì mọi Kitô hữu đều được mời gọi noi gương Chúa Kitô. Vậy, đối với tu sĩ, việc bắt chước được cụ thể hóa qua việc tuyên giữ các lời khuyên Phúc âm. Công đồng gọi đó là sự "bắt chước lối sống của Chúa Kitô cách sát sao hơn" (LG 44), "ngày càng trở nên giống hơn" (LG 46), "theo Chúa Kitô với một tinh thần tự do thanh thoát hơn, bắt chước Người khăng khít hơn" (PC 1). Nơi Chúa Kitô, Đấng đã hiến trọn đời để sống cho tình yêu Thiên Chúa, người tu sĩ tìm thấy được mẫu gương tuyệt hảo để đáp lại tình yêu của Thiên Chúa. Người tu sĩ còn phải tham gia vào sứ vụ của Chúa Kitô, bước theo Ngài trên những con đường mà Ngài đã đi: cầu nguyện trên núi, rao giảng cho đám đông, chữa lành những người bệnh, khuyên nhủ các tội nhân ăn năn sám hối, chúc lành cho trẻ em và ban ơn lành cho mọi người, trong tinh thần vâng phục thánh ý Chúa Cha (x. LG 46; Can 577). Theo sát Chúa Kitô không chỉ là bắt chước đời sống trinh khiết, khó nghèo và vâng phục của Ngài, nhưng còn là tham gia vào sứ mệnh cứu độ nhân loại của Ngài.

Dưới tác động của Chúa Thánh Thần: Đời sống thánh hiến chính nó là một đặc sủng. Đó là một ân huệ đặc biệt của Chúa Thánh Thần được ban cho toàn thể Hội thánh (x. LG 43, 45). Chúa Thánh Thần khơi dậy nơi các tín hữu lòng khao khát nên trọn lành, bước theo Chúa Kitô qua việc sống các lời khuyên Phúc âm cách triệt để (x. LG 43; PC 1). Có nhiều hội dòng khác nhau, tùy theo đặc tính riêng của chúng. Tính đa dạng này là do công trình của Chúa Thánh Thần (x. PC 7, 8, 9, 10, 11). Mỗi dòng, qua sự dẫn thân của đấng sáng lập, đã đem lại một ơn gọi đặc biệt, như một ân huệ do Chúa Thánh Thần khơi dậy (x. LG 45; PC 1, 2).

Xây dựng Hội thánh: Chiều kích Kitô và Hội thánh liên hệ mật thiết với nhau, vì Hội thánh gồm những người đi theo Chúa Kitô và tiếp tục sứ mệnh của Ngài. Đời sống thánh hiến nằm trong bản chất của Hội thánh, gắn liền với đời sống và sự thánh thiện của Hội thánh (x. LG 44; Can 207 §2; 574 §1). Có thể nói sự thánh thiện là lý do cho sự hiện hữu của họ. Mặc dù đời sống thánh hiến không thuộc về cơ cấu phẩm trật của Hội thánh, nhưng thuộc về cơ

cầu đặc sủng hay cơ cấu Thần khí. Trước đây, có nhiều người cho rằng đời tu chỉ là món đồ phụ thuộc, nằm bên ngoài Hội thánh; vì nó không xuất hiện cùng với Hội thánh, không nằm trong ý định của Chúa Kitô khi thành lập Hội thánh. Mặc dù các hình thức tu trì (ẩn tu, đan tu, viện tu,...) bắt đầu xuất hiện từ thế kỷ thứ III và phát triển theo giòng thời gian, nhưng công đồng quả quyết đời tu thuộc về bản chất của Hội thánh. Lý do là vì cốt yếu của đời tu không hệ tại hình thức tu trì, mà hệ tại các lời khuyên Phúc âm. Như vậy đời sống thánh hiến diễn tả chính bản chất của Hội thánh. Vì các lời khuyên Phúc âm gắn chặt với bản chất của Hội thánh: Hội thánh lãnh nhận các lời khuyên Phúc âm từ Chúa Kitô. Hội thánh có bốn phận duy trì và truyền lại cho mọi thế hệ không những lời giảng của Chúa Kitô, mà còn đời sống và hoạt động của Ngài nữa. Như vậy, việc họa lại đời sống Chúa Kitô qua các lời khuyên Phúc âm nằm trong chính bản chất của Hội thánh (x. LG 43; Can 575). Sự thánh thiện của Hội thánh được biểu lộ qua việc thực hành các lời khuyên Phúc âm (LG 39). Các lời khuyên Phúc âm dẫn những người tận hiến đến đức ái, và nhờ đó, các lời khuyên này kết hợp họ cách đặc biệt với Hội thánh và với mẫu nhiệm Hội thánh. Do đó, đời sống thiêng liêng của họ phải mưu cầu ích lợi cho toàn thể Hội thánh. Họ có bốn phận làm cho nước Chúa được phát triển và hiển trị khắp nơi (x. LG 44). Vì thuộc về bản chất của Hội thánh, nên đời tu cũng gắn liền với sứ mệnh của Hội thánh. Sự tận hiến của tu sĩ được Hội thánh tiếp nhận, nên họ biết rằng họ cũng dẫn thân để phục vụ Hội thánh (x. PC 5). Họ phải sống trong Hội thánh và sống bằng sự sống của Hội thánh. Đời sống thánh hiến nằm giữa trung tâm của Hội thánh như một yếu tố quyết định cho sứ mệnh của Hội thánh, bởi vì nó "biểu lộ bản tính sâu xa của ơn gọi Kitô giáo" (AG 18), và sự cố gắng vươn lên của Hội thánh, Hiền Thê, tới sự hiệp nhất với Đức Lang Quân duy nhất (x. LG 44). Qua họ, Hội thánh bộc lộ tình yêu không chia sẻ dành cho Chúa Kitô. Nói cách khác, các tu sĩ thay mặt cho Hội thánh để bày tỏ sự gắn bó mật thiết với Chúa Kitô, đặt Ngài trên hết mọi sự.

Lumen Gentium đã đặt đời sống thánh hiến trong lòng Hội thánh, để nhắc nhở họ rằng việc theo Chúa không chỉ là lợi ích của riêng họ, mà còn liên hệ tới cả Hội thánh nữa. Hoạt động của họ cần được thực hiện trong sự hiệp thông với Hội thánh. Họ cần duy trì mối tương quan với Giám mục giáo phận trong tinh thần phục tùng và kính trọng. Đời sống chứng tá của họ là một dấu chỉ truyền giáo. Cốt yếu của đời sống thánh hiến là việc bắt chước Chúa Kitô qua việc thực hành các lời khuyên Phúc âm. Họ đem Phúc âm áp dụng vào những nhu cầu cụ thể, trong những môi trường và thời gian khác nhau. Qua cách sống của họ, người ta có thể thấy được Chúa Kitô đang hiện diện. Vì thế, đời tu thật sự cần thiết cho Hội thánh (x. LG 42, 44).

Đời tu còn hướng Hội thánh về cuộc sống mai hậu (LG 44; PC 1; Can 607 §1). Thật vậy, đời thánh hiến là dấu chỉ (chứng tá) đời sống mai hậu, vì họ thể hiện việc hình thành nước Thiên Chúa ngay tại trần gian này qua đời sống cá nhân cũng như cộng đoàn. Họ bắt chước Chúa Kitô trong việc tận hiến cho Thiên Chúa và phục vụ nước trời. Họ hướng Hội thánh về tương lai, đích điểm của cuộc lữ hành.

Mỗi hội dòng có một vị trí trong đời sống Giáo hội và một sứ mệnh phải hoàn thành. Khi được thiết lập, hội dòng đương nhiên trở thành pháp nhân công trong Hội thánh. Họ hoạt động nhân danh Hội thánh để đạt được mục đích nhằm tới lợi ích chung của Hội thánh. Do đó, hoạt động của hội dòng được coi như là hoạt động của Hội thánh (x. Can 116 §1; 675 §3).

Tóm lại, "những kẻ được Thiên Chúa mời gọi thực hành và quyết tâm khấn giữ trung thành với các lời khuyên Phúc âm đều hiến thân cho Thiên Chúa một cách đặc biệt, noi gương Chúa Kitô khiết tịnh và khó nghèo (x. Mt 8, 20; Lc 9, 58) và vì vâng phục Chúa Cha cho đến chết trên thập giá (x. Pl 2, 8) đã cứu chuộc và thánh hóa nhân loại. Được sự thúc đẩy của tình yêu mà Chúa Thánh Thần đã đổ tràn trong lòng (x. Rm 5, 5), họ càng ngày càng sống cho Chúa Kitô và Thân Thể Ngài là Giáo hội (x. Cl 1, 24). Bởi vậy, họ càng nồng nàn kết hợp với Chúa Kitô bao nhiêu qua sự dâng mình gồm trọn cả cuộc sống, thì đời sống Giáo hội càng phong phú hơn và việc tông đồ của Giáo hội càng dồi dào mãnh liệt hơn bấy nhiêu." (PC 1)

Công đồng đã không đưa ra một định nghĩa nào về đời sống thánh hiến, nhưng nói đến bản chất và những yếu tố tạo nên đời sống này. Nói cách khác, công đồng đã mở ra một chân trời mới, một hướng mới cho nền thần học về đời sống thánh hiến để Hội thánh tiếp tục đào sâu.

còn tiếp

Trần Hữu Hạnh, fsf

VỀ MỤC LỤC

Đừng Ngắt Lời Người Khác Hay Kết Thúc Câu Nói Của Họ

BÍ QUYẾT SỐNG YÊN TÂM

Nguyên tác **Don't Sweat The Small Stuff...and it's all small stuff**

của **Richard Carlson, Ph.D**

Dịch giả Tôn Thất Bằng

Đừng Ngắt Lời Người Khác Hay Kết Thúc Câu Nói Của Họ

Cách đây ít năm tôi mới nhận ra được tôi thường hay ngắt lời người khác và/hoặc kết thúc câu nói của họ. Sau đó không lâu tôi cũng thấy được thói quen này tai hại như thế nào, không những hại đến sự tôn trọng và tình thương tôi nhận được từ người khác mà còn làm tổn hao rất nhiều năng lượng khi cố có mặt trong hai cái đầu ngay tức khắc! Hãy suy nghĩ điều này một phút. Khi bạn dục ai vội lên, ngắt lời ai, hay kết thúc câu nói của người ấy, bạn phải theo dõi không chỉ những tư tưởng của chính bạn mà còn luôn cả những tư tưởng của người bạn đang ngắt lời. Khuynh hướng này (nói luôn tiện, nó rất ư phổ thông ở những người bạn rộn), khuyến khích cả hai bên tăng nhanh tốc độ nói và nghĩ của họ. Điều này lần lượt làm cho cả hai người hồi hộp, bức bối, và khó chịu. Nó làm cho đôi bên kiệt sức hoàn toàn. Nó cũng là nguyên nhân gây ra tranh cãi, vì nếu có một điều mà hầu hết mọi người đều cảm thấy tức tối, thì chính là người nào đó không lắng nghe những gì họ đang nói. Ngoài ra làm thế nào bạn có thể thực sự nghe những gì ai đó đang nói khi bạn đang nói giùm cho người ấy?

Một khi bạn bắt đầu để ý đến việc bạn ngắt lời người khác, bạn sẽ thấy rằng khuynh hướng ngấm ngấm này không gì khác hơn là một thói quen vô tội vạ đã trở thành vô hình đối với bạn. Đây là tin tốt đẹp vì nó muốn nói tất cả những gì bạn cần phải làm là bắt đầu bắt lấy bạn khi bạn quên. Hãy tự nhắc nhở (trước khi một cuộc đối thoại bắt đầu, nếu có thể) phải kiên nhẫn và chờ đợi. Tự nhủ với lòng là để cho người kia nói xong trước khi đến lượt mình nói. Bạn sẽ nhận thấy tức khắc những hợp tác với những người trong đời sống của bạn cải thiện biết bao do kết quả trực tiếp của hành động giản dị này. Những người bạn đối thoại khi gần gũi bạn sẽ cảm thấy thoải mái nhiều hơn khi họ cảm thấy họ được người khác nghe và chú ý. Bạn cũng sẽ nhận thấy bạn sẽ có cảm giác thoải mái hơn nhiều khi bạn không còn ngắt lời người khác. Tim và nhịp mạch của bạn sẽ nhảy chậm lại, và bạn sẽ bắt đầu thưởng thức những cuộc đối thoại thay vì nói gấp rút cho xong. Đây là một phương pháp dễ dàng để trở thành một con người thoải mái, nhân từ hơn.

Để Cho Người Khác Gần Như Lúc Nào Cũng Đúng

Một trong những câu hỏi quan trọng nhất bạn có thể tự hỏi bất cứ lúc nào là, -Tôi muốn tôi 'đúng' hay tôi muốn tôi hạnh phúc? Thường thì hai cái muốn này bạn chỉ được một mà thôi!

Muốn đúng, muốn bảo vệ lập trường, chúng ta phải hao tổn một số năng lượng tinh thần lớn lao và thường thường chúng ta làm mất lòng những người sống chung quanh. Cần bạn đúng - hay cần người nào đó sai - đều khuyến khích người khác phải phòng vệ, và ép buộc chúng ta phải không ngừng chống đỡ. Tuy nhiên, nhiều người trong chúng ta (kể cả tôi, lắm khi) bỏ ra nhiều thời gian và công sức cố chứng minh (hay vạch rõ) rằng chúng ta đúng - và/hoặc người khác sai. Nhiều người, có ý thức hoặc vô ý thức, tin rằng công việc của họ đều

sao cũng cần cho người khác thấy lập trường, lời phát biểu, và quan điểm của người khác sai như thế nào, và khi làm như vậy, những người mà họ sửa sai đầu sao cũng sẽ cảm ơn hay ít ra cũng học hỏi được điều gì. Sai!

Hãy nghĩ đến điều này. Có bao giờ bạn bị ai đó sửa sai và bạn nói với người đang cố cho mình đúng như thế này, 'Cảm ơn anh rất nhiều vì anh đã cho tôi thấy tôi sai và anh đúng. Bây giờ tôi đã thấy mình sai. Ồ, anh giỏi quá!' Hoặc bạn biết có ai từng cảm ơn bạn (hay thậm chí đồng ý với bạn) khi bạn sửa sai họ, hay chứng tỏ bạn 'đúng' bất chấp cái giá người đó phải trả! Tất nhiên là không. Thật sự chúng ta ai cũng ghét bị sửa sai. Tất cả chúng ta muốn lập trường của chúng ta được người khác tôn trọng và thấu hiểu. Được người khác lắng tai nghe và được nghe là một trong những khát vọng của con tim. Và người nào biết lắng tai nghe thì người ấy sẽ được thương mến nhất và kính trọng nhất. Còn ai có thói quen sửa sai người khác thì thường bị oán hận và bị xa lánh.

Thật ra không phải không bao giờ thích hợp để nói mình đúng - đôi khi bạn thực sự cần bạn đúng hay muốn bạn đúng. Có lẽ có một số lập trường triết lý bạn không muốn làm lay chuyển như khi bạn nghe một nhận xét mang tính thù ghét chủng tộc. Trường hợp này, bạn cần phải nói lên ý kiến của bạn. Tuy nhiên, thường thì chính cái ngã của bạn mon men đến và làm hỏng đi một cuộc gặp gỡ lẽ ra là êm thấm - một thói quen muốn hay cần đúng.

Một chiến thuật chân thành tuyệt vời để trở nên bình yên hơn và nhân từ hơn là thực hành việc để cho người khác được cái niềm vui là họ đúng -- hãy cho họ cái vinh quang đó. Hãy bỏ cái tính hay sửa sai. Có thể không phải dễ dàng thay đổi thói quen này, nhưng đáng để nỗ lực và thực hành. Khi có ai nói, "Thật sự tôi cảm thấy cần..." thay vì nhảy vào nói, "Không, cần...hơn kia" hay sử dụng bất cứ hình thức nào khác để sửa đổi lời nói của người đó, bạn chỉ việc lờ đi và để yên câu phát biểu của họ. Những người sống chung quanh bạn sẽ trở nên ít chống chế đi mà lại nhân từ hơn. Họ sẽ trân trọng bạn nhiều hơn là bạn có thể tưởng được, mặc dù họ chẳng biết đích xác tại sao. Bạn sẽ khám phá ra cái vui được dự phần vào và chứng kiến hạnh phúc của người khác, điều này nhiều tưởng thưởng hơn một trận đấu đá của những cái ngã. Bạn không phải hy sinh những chân lý triết học sâu sắc nhất hay những ý kiến chân thành nhất của bạn, trừ ra, kể từ hôm nay, hãy để cho người khác gần như lúc nào cũng "đúng" !

Hãy Để Cho Người Khác Được Vinh Quang

Có một cái gì đó kỳ diệu xảy ra trong tâm hồn con người, một cảm giác thanh tịnh đột nhập vào người bạn, khi bạn không còn cần đến tất cả cái chú ý hướng vào bạn mà trái lại cho phép những người khác được sự vinh quang ấy.

Sự cần được chú ý thái quá của chúng ta là cái phần vị ngã trong chúng ta, nó bảo, 'Hãy nhìn tôi đây. Tôi là người đặc biệt. Chuyện của tôi lý thú hơn của bạn'. Chính giọng nói đó bên trong chúng ta có thể không phát ra ngay để nói như vậy, nhưng nó muốn tin rằng 'những thành tựu của tôi có phần nào hơn thành tựu của bạn'. Cái ngã là cái phần đó của chúng ta, nó muốn được người khác thấy, nghe, tôn trọng, coi là đặc biệt, thường thường gây thiệt hại cho người khác. Nó là cái phần của chúng ta ngăn ngang câu chuyện của một người khác, hay không kiên nhẫn chờ đến lượt mình nói ngõ hầu nó có thể mang trở lại cho chính nó cuộc đàm thoại và sự chú ý. Tùy theo mức độ phần đông chúng ta mắc phải thói quen này, làm thiệt hại cho chính bản thân mình nhiều. Khi bạn nhảy ngay vào và mang cuộc đàm thoại trở lại hướng về bạn, bạn có thể giảm thiểu một cách tinh vi cái vui người kia cùng chia sẻ, và khi làm như vậy, bạn tạo ra khoảng cách giữa bạn và những người khác. Ai cũng thua thiệt hết.

Lần sau khi ai kể cho bạn nghe một câu chuyện hoặc chia sẻ một thành tựu với bạn, hãy lưu ý đến cái khuynh hướng của bạn muốn nói một điều gì về chính bạn để đáp lại.

Dù đó là một thói quen khó bỏ nhưng không những bạn cảm thấy vui thú mà còn thật sự bình yên khi thầm tin có thể từ bỏ sự cần được chú ý của bạn và thay thế bằng sự chia sẻ cái vui của sự vinh quang của người khác. Thay vì nhảy vào và nói, 'Tôi cũng có lần làm y như vậy' hay 'Đoán xem hôm nay tôi đã làm gì', cắn lưỡi lại và lưu ý xem việc gì xảy ra. Chỉ nói, 'Thật là tuyệt', hay 'Xin nói thêm cho tôi nghe đi' và đừng nói gì nữa. Người mà bạn đang nói chuyện sẽ rất là vui và bởi vì bạn đang 'hiện diện' quá rõ như vậy, bởi vì bạn đang nghe rất chăm chú, người ấy sẽ không có ý nghĩ tranh hơn với bạn. Kết quả sẽ là người ấy sẽ

cảm thấy thoải mái hơn khi gần gũi bạn, giúp cho người ấy thêm tin tưởng cũng như thêm vui vẻ. Bạn cũng sẽ cảm thấy thoải mái vì bạn sẽ không ngồi nhòm người chờ đến lượt mình.

Dĩ nhiên, có nhiều khi vô cùng cần thiết phải trao đổi kinh nghiệm, và chia sẻ cái vinh quang và chú ý thay vì bỏ mặc tất cả. Chỗ này tôi đang nói đến sự tham muốn chụp lấy cái vinh quang từ trong tay người khác. Quả là ngược đời, khi bạn từ bỏ ý muốn đoạt phần vinh quang cho mình, thì sự chú ý mà bạn thường cần nơi những người khác sẽ được thay thế bằng sự tự tin thầm lặng phát xuất từ việc cho phép những người khác được sự vinh quang đó.

Tập Sống Trong Hiện Tại

Phần lớn mức độ an tâm của chúng ta được xác định bằng mức độ chúng ta có thể sống trong hiện tại. Bất chấp việc gì xảy ra hôm qua hay năm trước, và việc gì có thể hoặc không thể xảy ra ngày mai, hiện tại là chỗ bạn đang có mặt -- luôn luôn!

Chắc chắn nhiều người trong chúng ta thông thạo cái nghệ thuật do rối loạn đầu óc mà bỏ nhiều thời gian trong đời của chúng ta để lo lắng nhiều thứ -- tất cả cùng một lúc. Chúng ta để cho những vấn đề thuộc quá khứ và những điều quan tâm ở tương lai thống trị những giây phút hiện tại của chúng ta, đến nỗi chúng ta đi đến chỗ lo lắng, nản lòng, buồn chán, và tuyệt vọng. Mặt khác, chúng ta còn hoãn lại sự hài lòng, những việc ưu tiên đã đề ra, và hạnh phúc của chúng ta, thường thường tự tin rằng 'ngày nào đó' sẽ khá hơn ngày hôm nay. Bất hạnh thay, cũng những động lực tinh thần bảo chúng ta hãy nhìn về tương lai sẽ chỉ lặp lại có thể để cho 'cái ngày nào đó' thực sự không bao giờ đến. John Lennon có lần nói, "Đời là cái gì đang xảy ra trong khi chúng ta bận lập ra những kế hoạch khác". Khi chúng ta bận lập ra 'những kế hoạch khác', con cái của chúng ta bận trưởng thành, những người chúng ta thương đang dọn đi xa và đang hấp hối, cơ thể của chúng ta đang méo mó, và những giấc mơ của chúng ta đang vượt khỏi tầm tay. Nói ngắn gọn, chúng ta bỏ lỡ cuộc sống.

Nhiều người sống như thể đời là một cuộc diễn tập tuồng hát để chờ đến ngày trình diễn. Không phải đâu. Thực ra không người nào bảo đảm rằng ngày mai họ sẽ có mặt tại đây. Bây giờ là thời gian duy nhất chúng ta có, và là thời gian duy nhất chúng ta còn kiểm soát được nó. Khi chúng ta lưu ý đến giây phút hiện tại, chúng ta đẩy cái lo sợ ra khỏi trí óc của chúng ta. Sợ là sự quan tâm về những biến cố có thể xảy đến trong tương lai -- chúng ta sẽ không có đủ tiền, con cái của chúng ta sẽ gặp rắc rối, chúng ta sẽ già đi và chết, bất luận việc gì.

Muốn đánh đổ sợ hãi, chiến thuật hay nhất là tập đưa sự chú ý của bạn trở về với hiện tại. Mark Twain có nói, 'Tôi đã trải qua những chuyện khủng khiếp trong đời tôi, một số những chuyện đó thực sự đã xảy ra'. Tôi nghĩ tôi không thể nào diễn tả điều này hay hơn. Hãy tập giữ sự chú ý của bạn vào cái tại đây và hiện giờ. Những cố gắng của bạn sẽ mang lại nhiều điều lợi lớn.

Hãy Tưởng Tượng Mọi Người Đều Giác Ngộ Trừ Bạn

Chiến lược này cho bạn cơ hội để thực tập một điều mà có lẽ bạn hoàn toàn không thể chấp nhận được. Tuy nhiên, nếu bạn cố làm thử xem sao thì bạn có thể sẽ thấy rằng nó là một trong những bài tập hữu ích nhất trong việc cải thiện bản thân.

Theo đề tài gợi ý, bạn hãy tưởng tượng mọi người bạn quen biết và mọi người bạn gặp đều hoàn toàn giác ngộ. Nghĩa là, ai cũng giác ngộ chỉ trừ bạn! Những người bạn gặp thấy đều dạy cho bạn một điều gì. Có lẽ người lái xe đáng ghét hay đứa trẻ vô lễ cũng dự phần dạy cho bạn về đức tính kiên nhẫn, một người thiếu tư cách cũng có thể dự vào việc dạy cho bạn bớt tính hay phán xét.

Công việc của bạn là cố khẳng định rằng mọi người trong đời của bạn đang ra sức dạy cho bạn. Bạn sẽ thấy rằng nếu làm được điều này, bạn sẽ bớt rất nhiều bức bối, khó chịu, và thất vọng phát xuất từ những hành động và những cái không hoàn hảo của người khác. Bạn thật sự có khả năng có được thói quen tiến lại gần cuộc sống bằng cung cách này và, nếu bạn làm được, bạn sẽ vui sướng bạn đã có thói quen đó. Thường thường, mỗi khi bạn thấy được điều mà một người nào đó đang cố dạy cho bạn thì bạn sẽ thấy dễ dàng quên đi sự thất vọng của bạn. Ví dụ giả sử bạn đang ở trong nhà bưu điện và nhân viên phục vụ có vẻ cố tình làm việc chậm chạp. Thay vì thấy chán nản thì hãy tự hỏi: 'Người này đang định dạy ta điều gì?' Có lẽ bạn cần học về lòng nhân ái -- khó khăn biết bao khi phải làm một công việc

mà bạn không thích. Hoặc có lẽ bạn có thể học nhiều hơn một tí nữa về tính kiên nhẫn. Đứng sắp hàng là một cơ hội tuyệt vời để phá bỏ thói quen thiếu kiên nhẫn của bạn.

Bạn có lẽ sẽ ngạc nhiên khi thấy điều này thích thú và dễ thực hiện làm sao. Mọi việc mà bạn thực sự sẽ làm là thay đổi nhận thức từ 'Tại sao họ đang làm điều này?' ra 'Họ đang định dạy ta điều gì?'. Hôm nay bạn hãy nhìn vào tất cả những người giác ngộ ấy ở chung quanh bạn.

Hãy Tự Hỏi, 'Một Năm Nữa Việc Đây Còn Quan Trọng Không?'

Gần như mỗi ngày tôi đều chơi một trò chơi với chính tôi mà tôi gọi nó là 'méo mó thời gian'. Tôi chế ra môn chơi này để trả lời sự tin tưởng sai lầm, trước sau như một của tôi rằng điều gì tôi lo lắng cũng thật sự quan trọng.

Muốn chơi trò chơi 'méo mó thời gian', toàn bộ việc bạn phải làm là tưởng tượng rằng bất luận tình huống nào bạn đang đương đầu đều không xảy ra ngay bây giờ mà một năm nữa mới xảy ra. Kể đó chỉ cần tự hỏi, 'Tình hình này có thật sự quan trọng như tôi đang làm cho nó quan trọng không?'. Có thể lâu lắm mới có chuyện như vậy -- chứ đại đa số trường hợp thì dứt khoát là không.

Dù đó là một cuộc cãi vã với chồng hay vợ, với con cái, hay với người chủ của bạn, một lỗi lầm, một cơ hội bị mất, một cái ví đựng tiền thất lạc, một sự từ khước liên hệ đến việc làm, hay cổ chân bong gân, thì có thể một năm nữa bạn sẽ không quan tâm đến. Nó sẽ trở thành một chi tiết không hề trọng nữa trong cuộc đời bạn. Trong lúc trò chơi giản dị này sẽ không giải quyết toàn bộ những vấn đề của bạn, thì nó lại có thể cho bạn một cái nhìn sâu sắc cần thiết. Tôi bắt gặp bản thân tôi đang cười mỉa những chuyện mà trước đây tôi thường cho là quá ư nghiêm trọng. Giờ đây, thay vì dốc hết sức lực vào cái cảm giác giận hờn và bực đầu, thì trái lại tôi có thể dùng nó vào việc bỏ thời giờ sống với vợ và các con của tôi hay vào việc để tâm suy nghĩ sáng tạo.

Hãy Kiên Nhẫn Hơn

Phẩm chất của kiên nhẫn gần như làm thoả mãn một số điều kiện rõ ràng để đạt tới mục đích tạo nên cái ngã bình yên và nhân từ. Bạn càng kiên nhẫn bao nhiêu thì bạn càng dễ chấp nhận cái hiện hữu bấy nhiêu, thay vì khư khư đòi hỏi đời phải đúng y như ý của bạn. Không có tính kiên nhẫn đời sẽ làm cho ta vô cùng chán nản. Bạn dễ bị bực mình, quấy rầy, và khó chịu. Sự kiên nhẫn tăng phần thoải mái và dễ chấp nhận cuộc sống của bạn hơn. Nó thiết yếu cho sự thanh tịnh nội tâm.

Trở nên kiên nhẫn hơn bao hàm việc mở cửa con tim của bạn đón nhận cái giây phút hiện tại, cho dù bạn không thích nó đi nữa. Nếu bạn bị kẹt xe, trễ hẹn, mở cửa đón cái giây phút ấy có nghĩa là bắt lấy sự suy nghĩ chông chênh đang hình thành trong bạn trước khi sự suy nghĩ ấy vượt khỏi tầm tay và dụi dàng tự nhắc nhở mình thư giãn. Đây cũng có thể là dịp tốt để hít thở cũng như một cơ hội để tự nhắc nhở rằng trong các việc có tầm cỡ hơn thì việc chậm trễ là 'chuyện nhỏ'.

Tính kiên nhẫn cũng bao hàm cái nhìn thấy sự ngây thơ ở người khác. Vợ tôi, Kris, và tôi có hai con nhỏ, đứa lên bốn và đứa lên bảy. Có nhiều lần khi tôi đang viết sách này, đứa con gái bốn tuổi của chúng tôi đi vào phòng làm việc của tôi và làm gián đoạn công việc của tôi, hành động này có thể gây quấy rầy cho người viết lách. Điều mà tôi đã học để làm (phần lớn thời gian) là nhìn thấy cái ngây thơ trong cử chỉ của nó hơn là chú trọng vào những ẩn ý của hành động làm gián đoạn ('Tôi sẽ không làm xong việc, tôi sẽ mất đi dòng tư tưởng, đây là cơ hội duy nhất của tôi để viết hôm nay', và vân vân...). Tôi tự nhắc nhở tại sao nó đến với tôi -- bởi vì nó thương tôi, chứ chẳng phải nó đang âm mưu phá hoại công việc của tôi. Khi tôi nhớ phải nhìn thấy cái ngây thơ, lập tức tôi nảy sinh một cảm giác kiên nhẫn, và tôi để tâm trở lại vào giây phút hiện tại. Bất cứ sự khó chịu nào đã có thể hình thành đều bị gạt bỏ và tôi được nhắc lại một lần nữa là tôi may mắn làm sao khi có các con xinh đẹp như thế. Tôi đã nhận ra rằng nếu bạn nhìn đủ sâu, bạn gần như luôn luôn có thể thấy được sự ngây thơ trong những người khác cũng như trong những tình huống có tiềm năng gây nản lòng. Khi bạn nhìn như vậy, bạn sẽ trở nên một con người kiên nhẫn và bình yên hơn và, lạ lùng sao ấy, bạn bắt đầu thấy thích nhiều cơ hội mà trước kia chúng thường làm bạn nản lòng.

Sáng Tạo 'Những Buổi Tập Tính Kiên Nhẫn'

Kiên nhẫn là một phẩm chất của con tim, có thể được tăng thêm rất nhiều bằng sự luyện tập từ từ. Một phương pháp tôi đã tìm ra để thâm luyện tính kiên nhẫn của tôi là sáng tạo những buổi luyện tập thật sự -- những quãng thời gian tôi ấn định trong đầu để thực hành thuật kiên nhẫn. Đời sống tự nó là lớp học và chương trình học là tính kiên nhẫn.

Bạn có thể bắt đầu tập năm phút thôi và tăng khả năng kiên nhẫn lên theo thời gian. Bắt đầu bằng cách tự nhủ, 'Được, năm phút tới đây tôi sẽ không cho phép tôi bị điều gì quấy rầy hết. Tôi sẽ kiên nhẫn'. Điều bạn sẽ khám phá thật sự gây ngạc nhiên bất ngờ. Ý định muốn kiên nhẫn của bạn, đặc biệt nếu bạn biết chỉ có một lúc ngắn ngủi, ngay tức khắc tăng cường khả năng kiên nhẫn của bạn. Kiên nhẫn là một trong những đức tính đặc biệt ở đó sự thành công dinh dưỡng bằng chính nó. Một khi bạn đạt được những cột mốc nho nhỏ -- năm phút kiên nhẫn có kết quả -- bạn sẽ bắt đầu thấy rằng bạn quả thật có được khả năng kiên nhẫn, thậm chí còn lâu dài hơn thế nữa. Qua thời gian, bạn còn có thể trở thành một con người kiên nhẫn.

Vì tôi có con nhỏ ở nhà, tôi có nhiều khả năng để luyện tập thuật kiên nhẫn. Chẳng hạn, có một hôm khi cả hai đứa con gái hỏi tôi dồn dập trong lúc tôi đang tranh thủ gọi những cú điện thoại quan trọng, tôi nhất định tự nhủ, 'Bây giờ là dịp rất tốt để kiên nhẫn. Nửa tiếng đồng hồ kể đó tôi sẽ kiên nhẫn hết sức mình (bạn thấy đó, tôi đã làm việc vất vả, tôi phải chịu trăn đến ba mươi phút)!'. Không đùa đâu, nó hiệu quả thật sự -- và nó đã hiệu quả trong gia đình chúng tôi. Khi tôi giữ bình tĩnh và không cho phép mình cảm thấy bị quấy rầy và bức tức, tôi có thể điềm tĩnh, nhưng cương quyết, hướng dẫn cách cư xử của các con tôi hiệu quả hơn lúc tôi nổi nóng rất nhiều. Hành động giản dị nhằm lèo lái tâm ý hướng về tính kiên nhẫn cho phép tôi vẫn có mặt trong giờ phút hiện tại hơn là nếu tôi nổi giận, khi suy nghĩ về tất cả những lần mà chuyện này đã xảy ra trước đây và khi có cảm giác y như một người chịu nhiều thống khổ. Ngoài ra, những cảm giác kiên nhẫn của tôi thường hay lây -- dường như những cảm giác đó chuyển qua mấy đứa bé, thế là chúng tự quyết định rằng quấy rầy Ba chẳng hay ho gì.

Tính kiên nhẫn cho phép tôi giữ được tầm nhìn xa rộng. Tôi có thể nhớ, ngay cả khi ở trong một tình thế khó khăn, rằng việc gì đang ở trước mắt tôi -- thách thức hiện tại của tôi -- không phải 'sống hay chết' mà chỉ là một chương ngại nhỏ cần phải đương đầu. Không có kiên nhẫn, một bối cảnh tương tự có thể trở thành một việc khẩn cấp có đầy đủ tiếng la hét, nổi thất vọng, chàm tự ái, và cao huyết áp. Thật sự không đáng phải như vậy. Dù bạn đang cần đương đầu với trẻ con, người chủ của bạn, hay một người khó tính hay một hoàn cảnh khó khăn -- nếu bạn không muốn 'lo lắng những chuyện nhỏ', việc cải tiến mức kiên nhẫn của bạn là một hướng đi tuyệt diệu để khởi đầu.

Hãy Là Người Đầu Tiên Có Cử Chỉ Nhân Từ Hay Chìa Tay Ra

Rất nhiều người trong chúng ta chấp chặt những cái giận dữ nhỏ nhặt có thể phát xuất từ một cuộc tranh luận, một sự hiểu lầm, từ cách thức chúng ta được nuôi dưỡng, hay từ một biến cố đau thương nào đó. Chúng ta ngoan cố chờ cho người khác phải chìa tay ra đón chúng ta -- tin rằng chỉ có cách ấy chúng ta mới có thể tha thứ hay khơi lại tình bè bạn hoặc quan hệ gia đình.

Một bà tôi quen, sức khỏe không tốt lắm, mới đây nói với tôi rằng bà đã không nói chuyện với con trai của bà gần ba năm nay. Tôi hỏi 'Tại sao vậy?' Bà cho biết bà và con trai của bà đã bất đồng quan điểm về vợ của anh ấy, và bà không muốn nói chuyện với con trai của bà nữa trừ phi anh ấy gọi điện thoại cho bà trước. Khi tôi đề nghị bà nên là người có cử chỉ nhân từ. Mới đầu bà chống lại và nói, 'Tôi không thể làm điều đó được. Nó mới là người phải xin lỗi'. Thật tình bà muốn chết trước khi có cử chỉ nhân từ với đứa con duy nhất của mình. Tuy nhiên, sau vài lời khuyến khích nhỏ nhẹ bà đã quyết định làm người đầu tiên mở lời với con. Bà rất ngạc nhiên khi con trai bà tỏ ra biết ơn sự sẵn lòng gọi điện thoại của bà và chính anh đã xin bà tha lỗi cho anh. Thông thường là như thế đó, khi có người mạnh dạn làm cử chỉ thân thương trước thì mọi người đều thẳng lợi.

Bất cứ lúc nào chúng ta bám chặt vào sự giận dữ là chúng ta biến 'chuyện nhỏ' thành 'chuyện thật sự lớn' trong đầu của chúng ta. Chúng ta bắt đầu tin rằng lập trường của chúng ta quan trọng hơn hạnh phúc của chúng ta. Không phải vậy đâu. Nếu bạn muốn là người bình yên hơn bạn phải hiểu rằng được đúng hầu như không bao giờ quan trọng hơn tự cho phép

bạn được hạnh phúc. Con đường đi tới hạnh phúc là bỏ chấp, và có cử chỉ nhân từ. Cứ để cho người khác được đúng. Nói như thế không có nghĩa là bạn sai. Mọi cái sẽ tốt đẹp thôi. Bạn sẽ kinh nghiệm sự bình yên của việc bỏ chấp, cũng như cái vui của việc để cho những người khác được đúng. Bạn cũng sẽ nhận thấy rằng khi bạn có cử chỉ thân thương và để cho những người khác được 'đúng', họ sẽ bớt chống chế và tỏ ra nhân từ với bạn hơn. Thậm chí họ có thể đối xử tốt lại với bạn. Còn như nếu vì lý do gì họ không làm như vậy thì điều đó cũng tốt thôi. Bạn sẽ thấy hài lòng vì biết được rằng bạn đã làm xong phần của bạn để tạo ra một thế giới nhân từ hơn, và chắc chắn chính bạn sẽ cảm thấy bình yên hơn.

còn tiếp

VỀ MỤC LỤC

Tác phẩm ĐÀO TẠO VÀ TỰ ĐÀO TẠO THIÊNG LIÊNG (tiếp theo)

PHẦN BA

ĐÀO TẠO VÀ TỰ ĐÀO TẠO THIÊNG LIÊNG CỦA CÁC LINH MỤC TƯƠNG LAI TRONG BỐI CẢNH VIỆT NAM HÔM NAY

Nguyên bản tiếng Anh Lm. Micae-Phaolô TRẦN MINH HUY

Bản dịch Việt ngữ Lm. Vincentê Trần Minh Thực, Lm. GB. Nguyễn văn Hào

Trong vài năm qua, Hội Thánh Công giáo đã phải chịu đau đớn nhiều vì cách cư xử không đúng đắn của một ít linh mục. "Chúng ta phải thừa nhận rằng hàng giáo sĩ của chúng ta, cả trẻ và già, không phải không có những vấn đề, những xung đột, và những khủng hoảng có lẽ phản ánh việc lựa chọn và đào tạo chưa đầy đủ của họ."¹⁹⁸

Những trường hợp này có thể được dùng như phúc lành của Chúa nhắc nhở và thách thức chúng ta phân tích, lượng định và tổ chức lại việc huấn luyện chủng viện.¹⁹⁹ Có những người sẽ nói rằng việc huấn luyện ở chủng viện trong quá khứ đã phải chịu đựng một loại nhị nguyên luận. Nghĩa là có sự tách đôi giữa những gì các chủng sinh học, và những gì họ sống. Chúng tôi bác bỏ kiểu phân chia như thế trong chương trình đào tạo chủng viện, vì con người là một thể thống nhất. Cuộc sống con người với và trong Thiên Chúa tác động mọi khía cạnh của con người, bởi vậy, đời sống thiêng liêng phải bao gồm, tác động, và bao quát mọi khía cạnh của đời sống con người, cùng những gì thuộc về con người cách chân thực và đích thực.

Phần ba này sử dụng những nền tảng, thách đố và cơ hội khả dĩ trong bối cảnh Việt nam đã được trình bày ở phần thứ nhất, và giáo huấn của Huấn Quyền Giáo Hội đã được nhấn mạnh ở phần thứ hai. Sử dụng hai cột trụ quan trọng đó, phần này sẽ tạo nên toà nhà của việc đào tạo ở chủng viện và toà nhà sẽ gồm cả việc đào tạo thiêng liêng cho các chủng sinh đặt trong bối cảnh Việt Nam hôm nay, với cả những quan điểm về Giáo Hội học của Vaticanô II, của việc Truyền Giáo, của việc Cộng Tác với Giáo Dân, và của việc Đối Thoại. Việc Đào Tạo và Tự Đào Tạo Thiêng Liêng sẽ được trình bày theo ba thời kỳ: Giai đoạn Tiền Chủng Viện, Giai đoạn đào tạo Chủng Viện, và năm năm đầu đời Linh Mục thuộc thời kỳ Hậu Chủng Viện.

CHƯƠNG VII

BỐI CẢNH HÓA ĐÀO TẠO THIÊNG LIÊNG CHO CÁC LINH MỤC VIỆT NAM TƯƠNG LAI

A. Trong Viễn Anh Giáo Hội Học của Vaticanô II

Trong kiểu Giáo Hội nào mà các chủng sinh hôm nay được đào tạo, và rồi, họ sẽ thi hành tác vụ trong tương lai? Ta có thể nói ngay rằng đó là Giáo Hội của Vaticanô II: với cái nhìn năng động mới và một hiểu biết quân bình hơn về những hình thức khác nhau của đời sống Kitô giáo: Giáo Dân, Tu Sĩ và Giáo Sĩ cùng với nhau trong bình đẳng phẩm giá, bổ sung, hài hoà và liên đới với nhau vì Nước Thiên Chúa.

Giáo Hội ấy được xem như:

* Giáo Hội Hiệp Thông, hiệp thông trong lòng Giáo Hội: Tình huynh đệ, phục vụ lẫn nhau, vâng phục lẫn nhau và hiệp nhất trong đa dạng giữa Giáo Hội phổ quát và Giáo Hội địa phương;

* Giáo Hội Truyền Giáo, mở ra với thế giới: Nước Thiên Chúa vượt ra ngoài biên giới Giáo Hội, và Thần Khí vẫn luôn hiện diện trong Giáo Hội, trong thế giới, trong các tôn giáo khác và xã hội. Với tư cách là thừa tác viên và người truyền đạt Lời Chúa, Giáo Hội là dấu chỉ bí tích, là hạt mầm của Nước Trời, theo cái nhìn cánh chung;

* Dân Lữ Hành của Thiên Chúa: mặc dù với những cơ cấu, nhưng không chỉ là thể chế được thiết lập, vẫn luôn trên hành trình về với Chúa Cha, trong Chúa Giêsu Kitô, dưới sự hướng dẫn của Chúa Thánh Thần;

* Giáo Hội Phục Vụ: Giáo Hội không phải ở ngoài hay song hành với nhân loại, nhưng được lồng vào trong lịch sử nhân loại vì sự sống của trần gian, với thái độ bất biến là đối thoại và hợp tác với con người trong việc xây dựng tình huynh đệ phổ quát.

Trong khi đó, thế giới hôm nay là thế giới của văn minh khoa học kỹ thuật, thế giới của thần học giải phóng, của sự thăng tiến phụ nữ, của lựa chọn ưu tiên cho người nghèo, người bên lề, người bị áp bức, và người thấp cổ bé họng; thế giới của nền kinh tế lấy thị trường làm trung tâm với nền văn hoá duy vật và duy tiêu thụ.

Các linh mục tương lai sẽ được đào tạo và rồi thi hành thừa tác vụ trong nhãn quan Giáo Hội học này: mọi thành phần của Giáo Hội đều được kêu gọi nên thánh và đạt tới đức ái trọn hảo; nên đồng hình đồng dạng với Chúa Kitô linh mục, ngôn sứ và vương giả, qua phép rửa tội và phép thêm sức; được thánh hiến vì sứ vụ, để yêu mến, để phục vụ và để làm chứng cho tình yêu Thiên Chúa, trong sự hiểu biết phổ quát về ơn cứu độ, với lòng khiêm tốn và với ý thức về những yếu đuối của con người và những điều kiện tội lỗi, không còn những thái độ và lời lẽ ngạo mạn.²⁰⁰

B. Trong Viễn Anh Truyền Giáo

1. Tính Khẩn Thiết của Việc Truyền Giáo với Giáo Hội Việt Nam Hôm Nay

Á Châu là cái nôi của các tôn giáo lớn trên thế giới. Đặc tính thánh thiêng của các tôn giáo này đã được rất nhiều người biết đến, đặc biệt là người Âu Châu, trong số đó có nhiều người, thậm chí các Kitô hữu, sử dụng những lối thực hành cầu nguyện chiêm niệm, suy niệm, và một số người trở thành những môn đệ thuần thực của các tôn giáo này.

Trong bối cảnh này, chúng ta có nhu cầu khẩn thiết phải loan báo Tin Mừng,²⁰¹ bởi vì "hầu hết các linh mục địa phương có thể là những người quản lý tốt những cộng đoàn Kitô hữu, nhưng họ lại thường thiếu quan tâm và lòng cởi mở với những người không Công giáo quanh họ,"²⁰² trong khi Thiên Chúa lại muốn cho cả trần gian được cứu độ (x. Ga 3,16-17). Bản chất của tình yêu là chia sẻ sự phong phú tràn trề của nó và đó cũng là lý do tồn tại của sứ vụ của Chúa Giêsu là chia sẻ tình yêu tràn trề của Thiên Chúa cho nhân loại. Chúa Giêsu trao sứ vụ của Ngài cho Giáo Hội và Giáo Hội gắng sức làm chứng cho tình yêu đó của Thiên Chúa và tập hợp mọi người lại trong Nước Thiên Chúa, như Công Đồng Vaticanô II thúc đẩy chúng ta.

Nếu chúng ta hiểu thấu đáo ý nghĩa sứ vụ của Chúa Giêsu, cũng là sứ vụ của Giáo Hội, chúng ta sẽ không giới hạn việc thực thi sứ vụ này trong việc rửa tội cho người ta để biến họ thành Kitô hữu: "Việc tân Phúc Âm hoá cần những người loan báo Tin Mừng mới... những người động lòng trắc ẩn trước đám đông và trao cho họ bánh sự thật, bánh tình yêu, bánh sự sống."²⁰³ Nước Thiên Chúa bao gồm mọi người, mọi thụ tạo của Thiên Chúa. Vì thế "việc tân Phúc Âm hoá chính là nhiệm vụ thiết yếu và cấp bách của Hội Thánh."²⁰⁴

Trong nhãn quan rộng rãi hơn như thế, việc đào tạo thiêng liêng nhằm mục đích giúp các linh mục tương lai nhận thức được việc tự đào tạo để nên những linh mục truyền giáo nhiệt thành mà Giáo Hội cần, không chỉ cho Giáo Hội địa phương ở Việt Nam, nhưng còn cho các Giáo Hội anh em tại Á Châu. Quả thực, "toàn thể Giáo Hội đều là thừa sai. Ngay cả khi chúng ta phục vụ tại chính giáo phận mình, thừa tác vụ của chúng ta cũng phải thấm nhuần chiều kích truyền giáo."²⁰⁵

2. Nguồn Gốc và Mẫu Mực: Sứ Vụ của Chúa Giêsu

a. Sứ Vụ của Chúa Giêsu trước Phục Sinh

Chúa Giêsu là nhà thừa sai trước tiên được Chúa Cha sai đến. Sứ vụ của Chúa Giêsu mở

ra một cuộc canh tân. Ngài phá đổ những ranh giới qua nhiều lời nói, dụ ngôn và hành động của Ngài. Tính chất bao gồm (inclusiveness) trong sứ vụ của Chúa Giêsu gây sửng sốt! Ngài là người đặt nền móng cho sứ vụ với Dân Ngoại. Những nét quan trọng trong sứ vụ của Chúa Giêsu là: Chúa Giêsu thi hành sứ vụ của Ngài với lời cầu nguyện liên lỉ và kinh nghiệm sâu xa về Thiên Chúa, Cha của Ngài; Nước Thiên Chúa là trung tâm trong toàn bộ tác vụ của Chúa Giêsu và là trung tâm đối với sự hiểu biết về chính sứ vụ của Ngài; sứ vụ của Chúa Giêsu đặt tâm điểm nơi vấn đề con người hơn là những nguyên tắc và nghi thức.²⁰⁶

b. Sứ Vụ của Chúa Giêsu sau Phục Sinh

Sau khi sống lại, Chúa Giêsu tiếp tục bày tỏ tình yêu của Thiên Chúa cho mọi người, khi Ngài hiện ra với các môn đệ và chào họ bằng những lời trấn an: "Bình an cho anh em!" Chúa Giêsu thổi hơi vào họ, trao ban Chúa Thánh Thần cho họ và sai họ ra đi tiếp nối chính sứ vụ của Ngài.

Kinh nghiệm Phục Sinh là trung tâm, không chỉ cho các môn đệ của Chúa Giêsu, nhưng còn cho tất cả chúng ta, vì kinh nghiệm này giữ cho sứ vụ của Chúa Giêsu luôn sống động. Rời bỏ thế gian và lên với Chúa Cha, giờ đây Chúa Giêsu có thể làm công việc của Ngài ở mọi nơi trên thế giới, bất cứ nơi đâu có các môn đệ của Ngài hiện diện. Là những môn đệ của Chúa Giêsu, chúng ta có một sứ điệp tuyệt đẹp của tình yêu Thiên Chúa để sẻ chia. Và trước hết, đó không phải là một sứ điệp bằng lời, mà là một sứ điệp tự diễn tả qua cách sống và cách hiện diện của chúng ta. Đây là sứ vụ vĩ đại mà chúng ta được đặc quyền chia sẻ và làm chứng, ở đây và bây giờ.

c. Bản Chất của Giáo Hội là Truyền Giáo

Tự chính bản chất, Giáo Hội lữ hành là truyền giáo, vì Giáo Hội được khơi nguồn từ chính sứ vụ của Chúa Con và của Chúa Thánh Thần, theo đúng thánh ý Chúa Cha, như Công Đồng Vaticanô II nhấn mạnh (LG 4). Vậy tất cả Dân Chúa đều được mời gọi canh tân nội tâm sâu xa với ý thức sống động trách nhiệm của chính mình trong việc truyền bá Tin Mừng (AG 35): "Anh em hãy đi khắp tứ phương thiên hạ, loan báo Tin Mừng cho mọi loài thọ tạo" (Mc 16,15). Hành động nhân danh và là hiện thân của Đấng Cứu Thế, linh mục phải cửu mang trong tâm trí mình lời kêu gọi cấp thiết này và duy trì tinh thần truyền giáo theo lệnh truyền của Chúa Giêsu.

3. Đối Thoại, Con Đường Thích Hợp để Sống và Thi Hành Sứ Vụ Truyền Giáo

Theo quan điểm của Liên Hội Đồng Giám Mục Á Châu, con đường mới trong sự hiện diện của Giáo Hội là con đường với ba cuộc đối thoại: Đối thoại với các nền văn hoá và các truyền thống, đối thoại với các Tôn Giáo Khác và đối thoại bằng cuộc sống với người nghèo. Nhưng bối cảnh Việt Nam đòi hỏi thêm một chiều kích đối thoại nữa: đối thoại với người cộng sản.²⁰⁷ Mặc dù điều này xem ra có vẻ khó khăn vì chính sách tôn giáo khắt khe của ý thức hệ cộng sản, chúng ta tin tưởng vào Thiên Chúa, Đấng là Chủ của lịch sử, Ngài sẽ biến đổi mọi sự vào đúng thời của nó. Được trang bị bằng đời sống nội tâm vững chắc trong mối tương quan gần gũi với Thiên Chúa, các linh mục dẫn thân vào thế giới để cứu độ thế giới và để được cứu độ cùng với toàn thể thế giới được tạo thành.

4. Trở Nên Những Thừa Sai Hăng Say và Hiệu Quả

Mỗi thời đại có những khía cạnh tích cực và tiêu cực của nó. Chúa Thánh Thần là tác giả của mọi cuộc canh tân trong Hội Thánh và trong thế giới. Hướng tới một cách thức hiện diện và thi hành sứ vụ truyền giáo hữu hiệu trong thế giới đương đại, các linh mục Việt Nam²⁰⁸ phải lắng nghe theo những linh hứng của Ngài. Tin rằng Chúa Thánh Thần luôn cùng làm việc với các ngài, các linh mục tự dẫn thân vào công việc Phúc Âm hoá, ý thức đầy đủ về sứ vụ khẩn cấp của mình (1 Cr 9,16). Nhưng các ngài cũng ý thức được những giới hạn con người của mình với những yếu đuối và tội lỗi, luôn ghi nhớ trong tâm trí lời Thánh Phaolô: "Tôi bắt thân thể phải chịu cực và phục tùng, kéo sau khi rao giảng cho người khác, chính tôi lại bị loại" (1 Cr 9,27).

C. Trong Viễn Ảnh Cộng Tác Với Giáo Dân

1. Quan Tâm Mới, Cái Nhìn Mới

Chịu ảnh hưởng do quan niệm tiền Vaticanô về đời sống linh mục và đời sống tu trì, hàng giáo sĩ thường có mặc cảm tự tôn đối với giáo dân. Nhưng ngày nay nhiều giáo dân giỏi hơn nhiều linh mục do căn bản giáo dục và kiến thức thần học cao hơn. Thách đố này mang đến một nhìn nhận rõ ràng: ở tuyến đầu của Giáo Hội, trong địa hạt các đặc sủng và sứ mệnh,

cũng như trong định nghĩa (Dân Thiên Chúa, tham dự vào chức linh mục của Chúa Kitô) và con số (99,80% giáo dân, mà chỉ 0,12% tu sĩ và chỉ 0,08% thừa tác viên chức thánh), 210 người giáo dân cho thấy một đóng góp đối với việc thực hiện Nước Thiên Chúa và công trình thánh hoá trần gian từ bên trong như men. Mọi người đã chịu phép rửa tội được kêu gọi nên thánh, tùy theo việc phục vụ và thừa tác vụ hợp với những ân huệ và tài năng của riêng mình. Cả giáo dân và giáo sĩ đều góp phần vào Triều Đại Thiên Chúa trong chiều kích cánh chung: người giáo dân nhấn mạnh cái hiện tại (cái đã có), trong khi hàng giáo sĩ nhấn mạnh đến cái tương lai (cái chưa có).

Việc xây dựng sự cộng tác làm việc giữa giáo dân-giáo sĩ là rất quan trọng và thông qua ba yếu tố chủ yếu: hiệp thông, hợp tác trong sứ vụ và việc đào tạo thích hợp về thiêng liêng, tín lý và văn hoá. Đúng thế, hình ảnh thích hợp của linh mục thế kỷ hai mươi mốt là bậc thầy luôn học hỏi Chúa Kitô: ngài luôn đồng hành với con người ở đúng nơi mà họ đang hiện diện, lắng nghe họ và rồi chia sẻ những hiểu biết trong hành trình của họ. Đó cũng là người chữa lành mà lại mang thương tích như Chúa Kitô: ngài có mọi quyền năng, nhưng lại hoàn toàn dễ dàng bị tổn thương. Bắt chước người chữa lành mang thương tích, các linh mục và giáo dân biết mình là ai nơi cốt lõi của chính mình, bằng cách chia sẻ chính mình với Thiên Chúa và với mọi người, nam cũng như nữ, trong những mối tương quan mật thiết, như Chúa Giêsu, Đấng từng có cả bạn bè nam và nữ.²¹¹

Để xúc tiến sự hợp tác giáo dân-giáo sĩ này, hàng giáo sĩ và giáo dân phải:

- * dẫn thân nhiều hơn trong đời sống của nhau với sự cảm thông với nhau sâu sắc hơn;
- * chia sẻ những trách nhiệm trong sự hiểu biết, tự do và viễn ảnh Kitô giáo với tình yêu chân thực của những người cộng tác với nhau;
- * cổ vũ sự hiệp thông với ý thức về sự hiện diện của người khác, với sự nhìn nhận những tình trạng khác nhau trong cuộc sống và chấp nhận người khác theo như đúng bản chất của họ;
- * nâng phẩm chất việc đào tạo toàn diện của giáo sĩ và giáo dân, trong đó chiều kích liên hiệp của giới tính con người phải được đề cao.²¹²

2. Cộng Tác với Người Giáo Dân Nói Chung

Công Đồng Vaticanô II là một Lễ Hiện Xuống mới với viễn ảnh mới về Giáo Hội như là hiệp thông, mà hàng giáo phẩm là ở trong lòng Dân Chúa, chứ không phải ở bên trên, và như huynh đệ, nhấn mạnh đến sự bình đẳng của mọi tín hữu dựa trên phép rửa tội (LG 30;32). Các mục tử phải nhìn nhận các đặc sủng và sứ vụ của giáo dân: cộng tác trong đời sống và sứ vụ của Giáo Hội; chia sẻ ý kiến vì lợi ích của Giáo Hội trong tinh thần vâng phục lẫn nhau; thi hành sứ vụ trong lãnh vực hôn nhân, gia đình, văn hoá, các cơ cấu xã hội, kinh tế, chính trị, tình liên đới, công lý và hoà bình.²¹³ Vấn đề chính yếu không phải là cạnh tranh một phía, giáo sĩ hoặc giáo dân, vì giáo sĩ và giáo dân có liên hệ với nhau và tùy thuộc lẫn nhau. Họ phải cảm thấy nhu cầu cần thay đổi căn bản trong tâm trí, để cùng bước đi trên con đường Nước Thiên Chúa.

Trong tinh thần đó, linh mục phải đề cao sự cộng tác²¹⁴ với người giáo dân, lắng nghe họ và đáp ứng lại những mong đợi của họ liên quan đến đời sống và sứ vụ linh mục, đào tạo và tự đào tạo cho việc Phúc Âm hoá và vì ích chung của Giáo Hội và thế giới. Giáo dân mong đợi nơi linh mục:

- * cạnh tranh và thánh hoá đời sống linh mục như là chuyện quan trọng nhất;
- * đời sống thiêng liêng và cầu nguyện của linh mục như là mẫu mực của người tín hữu;
- * linh mục phải là hình ảnh của Chúa Kitô và là mẫu mực cho đời sống đức tin của người tín hữu;
- * Thiên Chúa phải là mục đích trước tiên và tối hậu của đời sống linh mục;
- * một linh mục luôn trung thành với thánh ý Thiên Chúa sẽ biết cách giữ quân bình trong các hoạt động thừa tác vụ của mình, vượt qua những khó khăn và cám dỗ mà ngài gặp phải trong đời sống hằng ngày;
- * mọi giáo sĩ phải yêu thương tất cả mọi người và yêu thương nhau như là những môn đệ yêu thương của Chúa Kitô (Ga 13,1.34-35), và trung thành với chức linh mục cho đến chết;
- * linh mục không kiêu căng và độc đoán, nhưng khiêm tốn đứng về phía người nghèo, người ngoài lề xã hội và người bị áp bức;
- * linh mục phải luôn hiệp thông gắn gũi với tín hữu và tránh mọi hình thức độc đoán và

quản lý theo kiểu dân chủ, vì những điều này dẫn tới tục hoá linh mục và giáo sĩ hoá giáo dân;

* Đức Trinh Nữ Maria phải là mẹ và mẫu mực cho linh mục và linh mục phải đón nhận Mẹ vào cuộc đời mình, để học cách sống khiêm nhường, trong sạch và vâng phục của Mẹ, và tìm thấy niềm vui và nguồn an ủi nơi Mẹ;

* Mong sao giáo dân được sử dụng trong việc giáo dục các chủng sinh.²¹⁵

3. Cộng Tác với Phụ Nữ, Nữ Giáo Dân và Nữ Tu

Nữ tu Sung-Hae Kim, SC, “than phiền” rằng việc đào tạo linh mục hiện nay không tạo ra được những cơ hội tự nhiên để đào tạo một kiểu mẫu tích cực về nữ giới: một khi đã vào chủng viện, các chủng sinh sinh sống, giải trí và học tập trong một thế giới toàn nam giới, không có những tiếp xúc có ý nghĩa với phụ nữ, không có kinh nghiệm về phụ nữ như là những môn đệ bình đẳng của Chúa Kitô... Sau khi chịu chức, nhiều vị không được chuẩn bị để làm việc với phụ nữ, và đôi khi cảm thấy bị các nữ tu và các lãnh đạo phụ nữ đe dọa nghiêm trọng, nên phản ứng tiêu cực, thậm chí phân biệt đối xử và dùng ngôn ngữ miệt thị. Một nghiên cứu kết luận rằng phân biệt giới tính đối với phụ nữ trong Giáo Hội còn lớn hơn ngoài xã hội.

Để cải thiện tình trạng này, chị gợi ý nên thuê những phụ nữ có khả năng, cả nữ tu và giáo dân, dạy trong chủng viện hoặc hướng dẫn tĩnh tâm, để các chủng sinh có thể tôn trọng, đề cao và hình thành một mô hình tích cực về phụ nữ, một quan niệm quân bình về phụ nữ, và có cơ hội nhìn Thiên Chúa theo viễn ảnh của phụ nữ. Các linh mục hiện nay sở hữu một kiến thức hời hợt về đời sống tu trì và vì thế có xu hướng đi tới hai thái cực. Do đó, người ta mong ước rằng các chủng sinh được cung ứng một hiểu biết tốt hơn về đời sống thánh hiến trong bối cảnh khoa Giáo Hội học hiệp thông. Hiểu biết lẫn nhau chính là chìa khoá. Và sau cùng chị ước mong rằng chúng ta nên làm bất cứ điều gì có thể để giáo dục các chủng sinh, tu sĩ và giáo dân, để giúp họ tập làm việc với nhau như là những cộng sự viên bình đẳng, và trở nên những nhân chứng sống động của Tin Mừng.²¹⁶

4. Kiểu Mẫu Đào Tạo ICLA

Ta có thể nhìn nhận một cách thẳng thắn rằng theo tâm thức tự tôn của nam giới, cách nào đó, người phụ nữ Á Châu bị coi thường, khinh miệt, bách hại và đàn áp, không chỉ ngoài xã hội, do những người bên ngoài, nhưng ngay trong chính gia đình, do cha, chồng và anh em của họ. Và thật phi lý khi có sự phân biệt đối xử, ngược đãi, bắt công và đàn áp mà người phụ nữ phải chịu đựng ngay trong Giáo Hội, Nhiệm Thể Chúa Kitô. Trong khi, do tinh thần xã hội phong kiến và cơ cấu tôn ti, người Công giáo Á Châu quá tôn trọng hàng giáo sĩ, và thực tế này làm cho các linh mục trở nên quan liêu và độc đoán, ít ra là với mặc cảm tự tôn.

Hi vọng rằng Học Viện Đời Sống Thánh Hiến tại Á Châu (Institute for Consecrated Life in Asia – ICLA, Manila, Philippines), như là một dấu chỉ mới mẻ và tuyệt vời của Chúa Thánh Thần, là học viện chào đón các tu sĩ nam nữ, linh mục, chủng sinh và giáo dân từ trên hai mươi nước Á Châu, sẽ tạo ra những cơ hội cho một mô hình tích cực về nữ giới, biến chuyển từ mô hình cổ điển, qua mô hình của Vaticanô II và hậu Vaticanô II, sang mô hình nữ quyền:²¹⁷ Bên cạnh những phụ nữ có khả năng, cả tu sĩ lẫn giáo dân, đang dạy học và hướng dẫn tĩnh tâm, còn có nhiều nữ tu có trình độ cao hơn các sinh viên nam trong một số khía cạnh, và họ được tôn trọng, đề cao và vì vậy tự tin hơn.

Đời sống cộng đoàn và những hoạt động của ICLA cung cấp cho các sinh viên thuộc cả hai giới những cơ hội hợp tác, chia sẻ cuộc sống và trách nhiệm, trong đời sống hằng ngày cũng như trong đời sống thiêng liêng, để cùng làm việc, cùng học tập, cùng ăn uống, cùng vui chơi, cùng cầu nguyện, cùng tham dự tĩnh tâm, và cùng cử hành Thánh Thể, với sự tôn trọng lẫn nhau, hiểu biết và khích lệ mang tính bằng hữu, với quan niệm quân bình, những mối tương quan hài hoà và trưởng thành, với kinh nghiệm là những môn đệ bình đẳng của Chúa Kitô cùng làm chứng cho Tin Mừng. Những mối tương quan trưởng thành và tôn trọng nhau giữa các nhà đào tạo ICLA (linh mục, nữ tu, giáo dân nam và nữ) đối với các sinh viên là mẫu gương tốt đẹp và là bằng chứng rõ ràng về điều mà họ muốn tạo nên và đào tạo, đặc biệt Cha Giám Đốc với sự săn sóc hiền hậu, sự quan tâm nhạy bén, sự cảm thông sâu sắc, sự hiện diện gây an lòng, sự khích lệ đầy tin tưởng và tình yêu bền chặt với mọi người.

Sự hiện diện của họ mang tính giáo dục còn nhiều hơn chính điều họ dạy dỗ. Mẫu đào tạo của ICLA là một đóng góp hữu hiệu cho cuộc canh tân Giáo Hội, đặc biệt là cho đời sống tu trì. Mọi người đều ước mong rằng mẫu đào tạo của ICLA sẽ được nhân rộng, được thực hiện và được đẩy mạnh, để ta có thể nhìn tới một tương lai tốt đẹp hơn của một số Giáo Hội

Á Châu trong sứ vụ tân Phúc Âm hoá, sứ vụ của người Á Châu cho người Á Châu.

5. Viễn Ảnh và Đề Nghị của FABC

Trong đường hướng này, Liên Hội Đồng Giám Mục Á Châu cũng khích lệ chúng ta. Các ngài tuyên bố rằng Thiên Chúa đã chọn một phụ nữ, Đức Trinh Nữ Maria, làm mẹ Chúa Giêsu, qua Mẹ, Thiên Chúa mặc khải giá trị và phẩm giá của người phụ nữ. Chúng ta lấy Chúa Giêsu làm mẫu mực cho chúng ta theo cách Ngài đón nhận và nhìn nhận thiên hướng và phẩm giá của phụ nữ, thái độ và sự nhạy cảm của ngài đối với phụ nữ và lòng can đảm của Ngài khi đối xử với phụ nữ với lòng tôn trọng và phẩm giá bình đẳng.

Và rồi, các ngài ước mong rằng việc đào tạo linh mục phải bao gồm:

- * Một tương tác lành mạnh với phụ nữ;
- * Huấn luyện sự nhạy bén về giới tính;
- * Đọc lại, giải thích lại và tái khám phá Sách Thánh để bao gồm cả nhãn quan phụ nữ;
- * Các giáo trình thần học và các giáo huấn của Đức Giáo Hoàng về phụ nữ; Sự hiện diện của các nữ giáo sư và nữ sinh viên trong các chủng viện.²¹⁸

D. Trong Viễn Ảnh Đối Thoại

1. Thái Độ và Chỉ Đạo của Đức Bênêđictô XVI

Sau khi đưa ra cái nhìn toàn cảnh về tình trạng của Giáo Hội và của thế giới, với nhiều dòng ý thức hệ và một suy tư dẫn đưa tới lầm lạc, Đức Giáo Hoàng Bênêđictô XVI giới thiệu niềm tin trường thành và chín chắn vào Con Thiên Chúa, Đấng là thước đo tối hậu và tiêu chuẩn, như là con đường dẫn đưa tới nền tảng đời sống Kitô hữu.²¹⁹

Tiếp đến ngài giải thích cho các Hồng Y220 chương trình tổng quát của ngài trong việc cai quản và dẫn dắt Giáo Hội hoàn vũ: vâng theo những linh hứng của Chúa Thánh Thần, với lòng phó thác khiêm nhường cho sự quan phòng của Thiên Chúa, bước theo những vị tiền nhiệm trong việc tiếp tục dẫn thân thực hiện Công Đồng Vaticanô II, trong việc xây dựng sự hiệp thông trong lòng Hội Thánh, thiết lập sự hiệp nhất giữa mọi người đi theo Chúa Kitô, làm sống lại sứ vụ Truyền Giáo, đảm bảo một cuộc đối thoại chân thành và cởi mở với các tôn giáo khác, các nền văn hoá và văn minh, và tuyên bố mọi người Công giáo sẵn lòng cộng tác vì sự phát triển xã hội và phẩm giá của mọi người.

Và sau cùng, ngài nhắc lại những lời của Đức Gioan Phaolô II “Đừng sợ! Hãy mở rộng cửa cho Chúa Kitô!”... Chỉ nơi tình bằng hữu này chúng ta mới cảm nghiệm được vẻ đẹp và sự giải phóng.”²²¹ Chúng ta hiểu rằng trong những con đường rộng mở ấy, chúng ta sẽ đào tạo các ứng sinh linh mục của chúng ta, để họ đáp ứng đúng theo những nhu cầu của thời đại chúng ta, hướng tới một tương lai tốt đẹp hơn cho mọi người.

2. Đối Thoại với Các Nền Văn Hoá

Việc hội nhập văn hoá, như một điều khẩn thiết được Công Đồng Vaticanô II nhấn mạnh, là một nhu cầu khẩn cấp đối với sứ vụ Truyền Giáo ở Việt Nam hôm nay. Hội nhập văn hoá phải được nuôi dưỡng ngay trong đào tạo chủng viện. Việc này nhằm biến đổi nền văn hoá đón nhận Tin Mừng nhờ sứ điệp Tin Mừng và làm cho các thừa tác viên thích ứng với văn hoá và môi trường sống của đoàn chiên²²² như Thánh Phaolô đã làm (1 Cr 9,23). Hội nhập văn hoá là một nhu cầu khẩn cấp đối với sứ vụ của các linh mục Việt Nam. Nó làm cho người Việt Nam dễ dàng đón nhận Tin Mừng và điều chỉnh theo Tin Mừng các giá trị văn hoá phong phú và cao quý của họ: “Phúc Âm hoá và hội nhập văn hoá liên kết với nhau một cách tự nhiên và mật thiết.”²²³ Các linh mục được kêu gọi làm tăng triển sự nhạy bén của họ đối với văn hoá, để họ có thể hội nhập văn hoá công việc tân Phúc Âm hoá của mình vì vinh quang Thiên Chúa, và ơn cứu độ của toàn thể thế giới được tạo thành.

Trong tiến trình hội nhập văn hoá, mỗi nền văn hoá đón nhận những yếu tố tích cực từ nền văn hoá khác và do đó được nên phong phú hơn. Ví dụ, cuộc gặp gỡ giữa nền văn hoá Việt Nam và Tin Mừng của Kitô giáo, Tin Mừng đề cao nhiều yếu tố văn hoá, và khám phá ra những cách thức mới mẻ diễn tả các giá trị Tin Mừng. Vậy ta có thể nói rằng việc hội nhập văn hoá của Kitô giáo phải đặt nền tảng trên mẫu nhiệm Nhập Thể. Hội nhập văn hoá theo tinh thần như thế sẽ làm cho các “Kitô hữu bản địa có khả năng sống theo những giá trị văn hoá của riêng họ, không bị méo mó, và đồng thời sống theo những giá trị đặc biệt của Tin Mừng.”²²⁴

Từng trải nghiệm sự thiệt hại không thể phủ nhận do việc Giáo Hội bác bỏ việc thờ kính

tổ tiên nhân danh việc Phúc Âm hoá trong quá khứ, Giáo Hội địa phương ở Việt Nam buộc phải dẫn thân không hề chậm trễ trong việc hội nhập văn hoá. Nhưng trong hiện tại, việc thiếu nhân sự thành thạo, thời gian và thiện chí là những trở ngại chính cho việc hội nhập văn hoá.²²⁵ Do vậy, chúng ta phải để ý nhiều hơn tới vấn đề này trong công việc đào tạo linh mục: những người loan báo Tin Mừng buộc phải “đặt mình vào hoàn cảnh của người nghe, để cho việc loan báo của mình thích ứng với trình độ và mức trưởng thành của người nghe, và theo hình thức ngôn ngữ phù hợp.”²²⁶ Nhất là phải nỗ lực đặc biệt để hội nhập cái tinh thần, cái lối sống, chứ không chỉ với cái hình thức bên ngoài

3. Đối Thoại Liên Tôn

Đối thoại liên tôn, “như là một bổn phận và thách đố của toàn thể Hội Thánh,”²²⁷ muốn nói tới việc xem xét những đường lối “cổ vũ sự hiểu biết và làm phong phú lẫn nhau” trong đó các thành viên của các truyền thống tôn giáo khác nhau có thể học hỏi nhau và học hỏi về nhau, đồng thời học hỏi về chính mình để nhận ra những giá trị thiêng liêng và cứu độ của chính mình và tin vào sự hiện diện của Chúa Thánh Thần trong chính mình.

Ở mức độ sâu xa nhất, đối thoại liên tôn luôn là đối thoại về ơn cứu độ, bởi vì cuộc đối thoại này tìm cách khám phá, làm sáng tỏ, và hiểu biết hơn những dấu chỉ thời đại trong suốt cuộc đối thoại mà Thiên Chúa duy trì với nhân loại.

Một cuộc đối thoại liên tôn chân thành và cởi mở là một con đường tốt cho sứ vụ truyền giáo tại Việt Nam, một đất nước giàu các tôn giáo truyền thống. Qua đối thoại, chúng ta để Thiên Chúa hiện diện ở giữa chúng ta, vì khi chúng ta tự mở ra với người khác, chúng ta cũng tự mở ra với Thiên Chúa. Vì thế đối thoại liên tôn là công trình Thiên Chúa khát khao, một yếu tố không thể thiếu trong sứ vụ loan báo Tin Mừng của Hội Thánh, sứ vụ này tìm ra cách diễn tả trong khi phục vụ đức tin, sự thăng tiến công bằng và phẩm giá con người.

Dù những hình thức cụ thể của việc thực hiện cuộc đối thoại liên tôn có thể khác biệt, căn bản của cuộc đối thoại (thái độ kính trọng và tin tưởng) phải luôn là một, đặc biệt với “đức tin Kitô giáo trưởng thành và xác tín.”²²⁸ Cuộc đối thoại như thế khiến các Kitô hữu trở nên tốt hơn và dễ thương hơn. Điều này cũng tương tự cho các tín hữu thuộc các tôn giáo khác. Sự thăng tiến chung này chuẩn bị đất đai màu mỡ cho Tin Mừng được gieo xuống và mọc lên.

Bởi thế, một chương trình huấn luyện phù hợp cho các linh mục tương lai là rất quan trọng. Cuộc hội thảo toàn thể của Liên Hội Đồng Giám Mục Á Châu (FABC) tại Sam Phran, Thái Lan, đề nghị rằng linh đạo đối thoại liên tôn, như là một “cách thức hiện diện mới mẻ của Hội Thánh,” phải được in sâu nơi các nhà lãnh đạo trẻ của Giáo Hội tại Á Châu. Những người tham dự cuộc hội thảo nhận diện những nỗi sợ hãi và những thành kiến về tôn giáo như là những trở ngại to lớn trong việc theo đuổi cuộc đối thoại liên tôn. Và họ kể ra việc lắng nghe nhau, học hỏi nhau, khuyến khích nhau, cảm thông lẫn nhau, kính trọng và tin tưởng nhau như là điều kiện bó buộc để giúp thăng tiến cuộc đối thoại liên tôn hướng tới cuộc sống sung mãn.²²⁹ Quả thực, “nơi đầu tiên mà chúng ta phải thoát khỏi là trái tim nhỏ bé và hẹp hòi của chúng ta.”²³⁰

4. Hiện Diện với Người Nghèo:

Thiên Chúa là Đấng đầu tiên đã ưu tiên chọn lựa người nghèo. Qua Con Yêu Dấu của Ngài, Thiên Chúa khai mạc Vương Quốc giữa người nghèo (x. Mt 5,3; 25,40). Và “khi tìm cách thăng tiến nhân phẩm con người, Hội Thánh chứng tỏ lòng yêu thương ưu ái dành cho người nghèo và người thấp cổ bé miệng.”²³¹

Nghèo đói là một số phận đối với nhiều người Việt Nam. Vì thế, Giáo Hội tại Việt Nam phải thực sự là Giáo Hội của người nghèo, vì người nghèo, cho người nghèo và với người nghèo “cả trong lời nói và việc làm” và trong cách “sống giản dị theo gương Chúa Giêsu.”²³² Các linh mục phải sẵn lòng lắng nghe người nghèo và người bên lề xã hội, để thực sự là dấu chỉ chữa lành của tình yêu Thiên Chúa đối với họ.

Đức Hồng Y Paul Shan Kuo-hsi ước mong rằng “Tình yêu ưu ái và tình liên đới với người nghèo phải được truyền đạt cho các chủng sinh và phải bám rễ vào lòng họ, để họ có thể mang Tin Mừng cho người nghèo.” Và ngài gợi ý rằng “Các chủng sinh cần có kinh nghiệm về một số công việc dãi gió dầm sương trong cuộc sống thực của người nghèo, để các thầy có sự cảm thương sâu sắc với người nghèo, và sống một cuộc sống giản dị,” bởi vì “trong một xã hội thiên về vật chất và hưởng thụ, cuộc sống giản dị của linh mục là một bằng chứng mạnh mẽ cho những giá trị Tin Mừng và là một liều thuốc giải độc hữu hiệu đối với tình trạng khó chịu của thế giới hiện đại.”²³³

Ngày nay chúng ta có một nhận thức mới mẻ rằng người nghèo không chỉ nghèo, nhưng còn bị áp bức, cả về vật chất lẫn tinh thần. Họ là những nạn nhân của những cơ cấu kinh tế và chính trị bất công, thậm chí cả những cơ cấu tôn ti và gia trưởng của kiểu tự tôn trong gia đình, trong xã hội và trong Hội Thánh, là nạn nhân của bóc lột, phân biệt đối xử và bạo lực, đặc biệt là phụ nữ và trẻ nhỏ. Vì thế, tham dự vào cuộc đấu tranh của người nghèo để giải phóng họ là một phần không thể thiếu trong sứ vụ của chúng ta: "Hội Thánh phải làm tất cả những gì có thể để vượt qua những sự dữ như thế, để hành động vì lợi ích của những người bị bóc lột nhiều nhất ấy và tìm cách đưa những người nhỏ nhất đến với tình yêu của Chúa Kitô."²³⁴

Các linh mục thực sự hướng về phía người nghèo và người thiếu thốn trong sứ vụ của mình. Các ngài phải để giáo xứ mình dẫn thân vào nhiều hình thức khác nhau trong việc nâng đỡ người nghèo, các trẻ mồ côi, những người goá bụa và sống dưới mức bình thường, nhằm "giúp cho họ biết tự giúp mình, để họ có thể làm việc nhằm thăng tiến tình trạng của họ và trở thành những người loan báo Tin Mừng cho chính nền văn hoá và xã hội của họ."²³⁵

Chúng ta phải nhận ra hình ảnh Chúa Kitô, Đấng đã tự hủy mình ra không nơi người nghèo, và lắng nghe tiếng kêu của Ngài qua tiếng kêu của người nghèo, tin rằng nghèo khổ có thể mang tính cứu độ, nếu như đó là một sự nghèo khổ theo Tin Mừng. Tại Việt Nam, ta có thể xem xét, như là một khía cạnh tích cực trong sự quan phòng của Thiên Chúa, chính sách của những người cộng sản là áp đặt những hạn chế trên Giáo Hội và trưng thu những tài sản của Giáo Hội, nhờ thế các giáo sĩ, tu sĩ và giáo dân phải nhìn lại đời sống chứng tá của mình và thăm dò những cách thức mới mẻ để sống với người nghèo và với những người sống niềm tin khác, thậm chí đối nghịch với mình.²³⁶

5. Đối Thoại với Người Cộng Sản

Sống dưới chính sách Cộng sản, Việt Nam có hoàn cảnh riêng của mình. Vì thế, nghiên cứu này chú ý nhiều hơn đến địa hạt đối thoại với người Cộng Sản, trong đó bao hàm cả việc đào tạo, cuộc sống và thừa tác vụ của các linh mục tương lai.

a. Những Lý Do Đối Thoại với Người Cộng Sản

1) Sứ Vụ Của Chúa Giêsu Và Sứ Vụ Của Hội Thánh

Thiên Chúa là Đấng đi bước trước trong cuộc đối thoại với con người. Hội Thánh được kêu gọi tiếp tục sứ vụ của Chúa Giêsu được Chúa Cha trao phó, dưới sự hướng dẫn của Chúa Thánh Thần. Nước Thiên Chúa không loại trừ ai, và sứ vụ của Chúa Giêsu, cũng là sứ vụ của Hội Thánh, là "một sứ vụ bao gồm tất cả:"²³⁷ gồm cả người nghèo và người giàu, người bị áp bức và người áp bức, tội nhân và người đạo đức, làm tan biến sự tha hoá và phá đổ những bức tường thù địch.

Công Đồng Vaticanô II đề nghị rằng các chủng sinh "cần học để tìm Chúa Kitô nơi ... đặc biệt là người nghèo, các trẻ em, người bệnh tật, người tội lỗi và người không tin."²³⁸ Chúng ta không được quên sự hiện diện của người Cộng Sản Việt Nam và chúng ta có thể tiếp cận họ qua con đường đối thoại, trong nhãn quan về sứ vụ cứu độ của Hội Thánh.²³⁹

Thực thể, "hầu hết mọi quan chức chính quyền và các nhà lãnh đạo trong xã hội đều chính thức đi theo ý thức hệ Mác-xít. Vì thế, Hội Thánh tại Việt Nam cũng được kêu gọi đối thoại với những người vô thần."²⁴⁰ Vấn đề chính là phải theo kiểu đối thoại nào? Nếu chúng ta hiểu đối thoại như là một tương quan theo đúng mô hình "ad intra" (hướng vào trong) và "ad extra" (hướng ra ngoài) của Chúa Ba Ngôi, như là việc mang sứ điệp đi phân phát và mang sự hiệp thông đi trao tặng, như là chia sẻ tình yêu Thiên Chúa và làm chứng về tình yêu Thiên Chúa cho mọi người, như là một nỗ lực biến đổi thế giới này thành một thế giới tốt đẹp hơn và huynh đệ hơn, thì đối thoại trở thành một bổn phận của Hội Thánh như là hạt giống, men, muối và ánh sáng của trần gian.

2) Đòi Hỏi Của Tin Mừng

Đó là điều Chúa Giêsu Nadarét, Thiên Chúa thật và người thật, đã mang đến cho nhân loại nhờ tình yêu đến mức chết trên thập giá của Ngài. Ngài khởi sự một trật tự mới xuất phát từ tình yêu và sự tha thứ của Thiên Chúa cho tất cả mọi người. Ngài chúc phúc cho người xây dựng hoà bình (Ga 16,33; Mt 5,9) và ra lệnh phải yêu thương kẻ thù (Mt 5,43-45). Chúng ta phải góp phần thực hiện những viễn tượng hoà bình của Isaia (Is 2,4). Thế giới đương thời của chúng ta được tình yêu cứu độ của Thiên Chúa Cha khích lệ và đảm bảo. Chúa Cha là Đấng "đã sai Con Ngài đến cứu độ thế gian" (1 Ga 4,14) để cho thế gian có "sự sống dồi dào" (Ga 10,10). Cuộc đối thoại cứu độ này xuất phát từ Thiên Chúa Cha đến với

nhân loại qua Chúa Con và quyền năng Chúa Thánh Thần. Chỉ có một cuộc đối thoại chân thành và tin tưởng giữa mọi thành phần của xã hội dân sự mới có thể tạo nên mọi hy vọng mới cho toàn thể dân tộc Việt Nam.²⁴¹

3) Định Hướng Lịch Sử Của Nhân Loại Trong Thời Đại Chúng Ta

Nhân loại đã chịu đựng quá nhiều các loại chiến tranh: chiến tranh ý thức hệ và diệt chủng, chiến tranh thế giới, nội chiến và chiến tranh quốc gia, chiến tranh đẫm máu giữa những anh em cùng dòng máu, chiến tranh nóng với bom hạt nhân, chiến tranh lạnh với đe dọa của nguyên tử, chiến tranh kinh tế, v.v...

Thật tuyệt vời khi biến kẻ thù thành bạn hữu. Một bài hát Việt Nam ca rằng: "Kẻ thù ta đâu có phải là người. Giết người đi thì ta ở với ai? Kẻ thù ta, tên nó hờn căm, tên nó là ty hiềm, tên nó là một lũ ma." Ta không thể tiếp tục cuộc tàn sát của chiến tranh. Nhân loại phải phá bỏ xiềng xích bạo lực và hận thù, và bắt đầu cùng tồn tại trong hoà bình và liên đới, bằng đối thoại và hợp tác, bằng cách dùng mọi nghiên cứu và mọi tiến bộ xã hội và kỹ thuật để phục vụ cho một tương lai tốt đẹp hơn cho mọi người.

"Thế giới này của chúng ta có thể biến đổi: hoà bình là có thể, thậm chí ở nơi đã có giao chiến và chết chóc kéo dài."²⁴² Lịch sử chứng minh rằng thế giới có thể thay đổi (và phải thay đổi) những cách suy nghĩ và hành động, để hướng tới mối tương quan tốt đẹp với Thiên Chúa, với chính mình, với người khác và với tạo thành, trong tình liên đới và yêu thương. Dù hoà giải các lập trường của các đối thủ có những mối hận thù xa xưa và những vấn đề trầm trọng thật là khó,²⁴³ nhưng "Thần Khí vẫn luôn dùng sự bất lực và yếu đuối con người để thực hiện sự tha thứ lẫn nhau và hoà giải giữa các cá nhân, các gia đình và các cộng đoàn."²⁴⁴

4) Sự Biến Chuyển Của Nhận Thức Và Các Mối Liên Hệ

Chúng ta phải sống bài học quá khứ của lịch sử với niềm hy vọng: đó là sự biến chuyển nhận thức và mối liên hệ giữa Giáo Hội và Chủ Nghĩa Cộng Sản, biến chuyển của mối quan tâm và liên hệ trong chính mỗi cơ cấu. Chẳng hạn, sự biến chuyển này diễn ra từ quan điểm đối đầu và loại trừ của Thông Điệp Divini Redemptoris về Chủ Nghĩa Cộng Sản Vô Thần,²⁴⁵ của Thư Mục Vụ 1951 của các Giám Mục Đông Dương²⁴⁶ coi chủ nghĩa cộng sản như là mối nguy hiểm lớn nhất của thời đại, hoàn toàn mâu thuẫn với Công giáo, xấu xa tự bản chất, những người Công giáo tham gia chủ nghĩa cộng sản sẽ bị vạ tuyệt thông; và điều này được lặp lại trong Thư Mục Vụ 1960 do các Giám Mục Miền Nam Việt Nam,²⁴⁷ đến tinh thần đối thoại và cộng tác của Công Đồng Vaticanô II và sự cộng tác lành mạnh của Đức Gioan Phaolô II.

Về phía Chủ Nghĩa Cộng Sản, điều tương tự cũng diễn ra, đặc biệt là với những chính sách perestroika và glasnost²⁴⁸ (canh tân và mở ra công khai) của Mikhail Gorbachev, được thực hiện ở Việt Nam với chính sách Đổi Mới của Nguyễn Văn Linh, Tổng Bí Thư Đảng Cộng Sản; với chuyến viếng thăm Vaticanô gần đây của Phó Thủ Tướng Việt Nam, ông Vũ Khoan, "nhân vật quan trọng nhất của Việt Nam trở lại thăm viếng các chức sắc Rôma kể từ năm 1987." Trong chuyến viếng thăm này, "hai bên đã đồng ý về nhu cầu tăng cường hợp tác giữa Giáo Hội và Chính Phủ, vì lợi ích của toàn xã hội Việt Nam, bao gồm cả vấn đề bình thường hoá quan hệ ngoại giao."²⁴⁹

b. Những Tiêu Chí Của Cuộc Đối Thoại Đây

1) Khuyến Cáo Của Đức Gioan Phaolô II

Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II đã cụ thể hoá và bối cảnh hoá những nguyên tắc chỉ đạo cho cuộc đối thoại này trong những bài nói chuyện với các Giám Mục Việt Nam.

Những Điều Kiện Tiên Quyết: Đức Tin Mạnh Mẽ, Hiệp Nhất và Hiệp Thông trong Hội Thánh²⁵⁰

Trong bài nói chuyện vào ngày 17-6-1980, Đức Gioan Phaolô II đã nhắc nhở các Giám Mục Việt Nam về sứ vụ quan trọng nhất là giảng dạy, bảo vệ và nâng đỡ đức tin của đồng bào mình. Ngài nói rằng cuộc tiếp xúc và đối thoại với nhà cầm quyền dân sự là cùng nhau tìm kiếm lợi ích của đất nước và Hội Thánh tại Việt Nam.²⁵¹

Trong bài nói chuyện ngày 11-12-1980, ngài nhấn mạnh đến mối hiệp nhất trong hàng giám mục như là sự bảo đảm cho mối hiệp nhất giữa các linh mục địa phận: hiệp nhất và hiệp thông bằng lòng yêu mến và hành động, bằng suy nghĩ và việc làm trong Hội Thánh là rất quan trọng, bởi vì thật phi lý là cuộc đối thoại trong lòng Hội Thánh đôi khi còn khó khăn hơn cuộc đối thoại với bên ngoài. Đức Giáo Hoàng ước mong rằng hàng Giám Mục biểu lộ cho

người khác thấy các ngài yêu mến quê hương đến mức nào, và rằng tham dự vào việc thăng tiến đất nước cũng là cách các ngài loan báo Tin Mừng.²⁵²

Tôn Trọng Sự Độc Lập và Tự Quản

Trong bài nói chuyện ngày 22-1-2002, Đức Gioan Phaolô II nhấn mạnh rằng “do nhiệm vụ và thẩm quyền của mình, Hội Thánh không hoà mình, bằng bất cứ cách nào, vào cộng đồng chính trị và không liên kết với bất cứ hệ thống chính trị nào”; rằng “cộng đồng chính trị và Hội Thánh độc lập với nhau và tự quản trong địa hạt của mỗi bên;”²⁵³ “được kêu gọi vừa để chu toàn sứ vụ riêng biệt của mình vì lợi ích của cùng một dân tộc, việc phục vụ của cả hai phía sẽ còn hữu hiệu hơn vì họ còn thực hiện giữa họ một sự cộng tác lành mạnh.”²⁵⁴

Tôn Trọng Sự Phát Triển của Tự Do Tôn Giáo

Để tiến hành “sự cộng tác lành mạnh” này, Giáo Hội chờ đợi nơi cộng đồng chính trị sự tôn trọng hoàn toàn tính độc lập và tự quản của Giáo Hội. Chính sự thiện vô giá là tự do tôn giáo - được Công Đồng Vaticanô II, các Tuyên Ngôn và Công Ước Quốc Tế đặt thành vấn đề - cũng được gửi tới các cá nhân và các cộng đồng tôn giáo. Dựa trên Tuyên Ngôn Dignitatis Humanae,²⁵⁵ Đức Giáo Hoàng miêu tả chi tiết những quyền tự do tôn giáo đối với các cá nhân cũng như cộng đồng tôn giáo.²⁵⁶

Viễn Ảnh Một Tương Lai Tốt Đẹp Hơn

Về tương lai của Việt Nam, Đức Gioan Phaolô II ước mong rằng người tín hữu phải có khả năng được hưởng một nền giáo dục khả dĩ giúp họ nên chứng nhân trong đời sống xã hội, chính trị và kinh tế, để họ có thể “đảm nhiệm vai trò thuộc về họ trong đời sống và sứ vụ của Dân Chúa, như những chứng nhân của Chúa Kitô, ở bất cứ nơi đâu mà họ có thể hiện diện;”²⁵⁷ rằng “mọi thành phần quốc gia đều được liên kết nhằm thăng tiến nền văn minh tình thương, đặt nền tảng trên những giá trị phổ quát là hoà bình, công lý, liên đới và tự do” và rằng đức cậy Kitô giáo làm phong phú nhiệt tình tông đồ và trao ban những sức mạnh mới để công bố Chúa Kitô, Đấng Cứu Độ, Ngài đã đến “để con người được sống và sống dồi dào” (Ga 10,10).

2) Thái Độ Của Các Giám Mục Việt Nam

Trong Thư Mục Vụ 1976, các Giám Mục Việt Nam nhận định rằng cuộc xung đột giữa niềm tin Kitô giáo và học thuyết Mác-xít là rõ ràng, nhưng đó không phải là lý do để nói rằng cuộc đối thoại và hợp tác giữa những người phục vụ con người trong sứ mệnh cá nhân và xã hội là không thể diễn ra. Và các ngài kết luận rằng đức tin Kitô giáo không phải là trở lực gây chia rẽ người có tôn giáo và người không tôn giáo, đức tin ấy cũng không phải chất ma túy đem người Công giáo ra khỏi thực tại trần thế. Trái lại, đức tin dẫn chúng ta đến với con người và làm cho chúng ta có khả năng đánh giá đúng đắn các thực tại trần thế.²⁵⁸

Với lòng gần bó như thế với cuộc đối thoại và hợp tác, được những khích lệ của Đức Giáo Hoàng động viên và soi sáng, các Giám Mục Việt Nam đã thẳng thắn trình lên các Nhà Lập Pháp Việt nam một lá thư ngỏ nêu ra những gợi ý của các ngài hướng đến việc xây dựng và phát triển xã hội vì nhân vị con người, như là cùng đích của bất cứ tổ chức và cơ cấu xã hội nào, theo phẩm giá và các quyền của họ:

* Giảm thiểu những khiếm khuyết xã hội hiện nay: tha hoá nhân vị con người, hệ thống bất công làm tha hoá con người, ví dụ cơ chế “xin cho” máy móc;

* Phát triển các giá trị nhân bản làm cho con người trở nên nhân bản hơn và sống theo phẩm giá con người của mình, “như là một giá trị Tin Mừng không thể bị khinh miệt mà không xúc phạm trầm trọng đến Đấng Tạo Hoá:”²⁵⁹ phát triển nhân phẩm con người, phát triển xã hội và thăng tiến nhân vị con người dựa trên sự thật, phát triển tình liên đới trong mọi sinh hoạt gia đình và xã hội, phát triển nguyên tắc phân quyền, phát triển nhận thức và lòng sẵn sàng phục vụ công ích.”²⁶⁰

Ngoài ra, Đức Cha Chủ Tịch Hội Đồng Giám Mục Việt Nam cũng nói với Hội Đồng Giám Mục Công Giáo Hoa Kỳ rằng việc loan báo Tin Mừng không thể tách lìa sứ vụ thăng tiến sự tiến bộ thực sự của tất cả mọi con người. Đây là giáo huấn cốt lõi của Đức Gioan Phaolô II trong Ecclesia in Asia mà các Giám Mục Việt Nam đã đón nhận như là chỉ dẫn mục vụ cho mình. Và ngài kết luận: “Để hoàn thành sứ vụ yêu thương và phục vụ của Chúa Kitô tại Việt Nam, chúng tôi đang nỗ lực gia tăng nhân sự được huấn luyện kỹ càng và thực hiện các giá trị truyền thống trong gia đình và xã hội.”²⁶¹

Và gần đây, Tuần Báo France Catholique tường thuật cuộc phỏng vấn của Vietcatholic News với Hồng Y Gioan Baotixita Phạm Minh Mẫn. Với câu hỏi tại sao các Giám Mục Việt Nam

không dùng một lập trường cứng rắn hơn đối với chính quyền, Hồng Y Mẫn trả lời rằng người Kitô hữu Việt Nam, trong cũng như ngoài nước, có những thái độ khác nhau trong lãnh vực này. Về phía các Giám Mục, các ngài luôn khởi đi từ Tin Mừng, nguồn ánh sáng, sự thiện và chân lý. Các ngài có trách nhiệm mang Tin Mừng đến cho dân chúng, mà các ngài phải yêu thương tất cả mọi người, bất cứ họ là ai. Hồng Y Mẫn cũng nhắc tới Đức Gioan Phaolô II, vị đã thường tuyên bố rằng con đường duy nhất mà Hội Thánh phải theo đuổi, cho dù thiếu tự do hay gặp nhiều khó khăn, là con đường đối thoại, con đường của Vaticanô II. Như thế, các Giám Mục không thực hành sự đối lập mang tính hệ thống, nhưng là thái độ đối thoại.²⁶²

3) Sự Cảm Thông Của FABC

Với tinh thần thực tế và lòng cậy trông vào ân sủng Thiên Chúa, Liên Hội Đồng Giám Mục Á Châu (FABC) tuyên bố rằng việc đối thoại đòi hỏi đời sống nội tâm sâu sắc giúp con người có khả năng tin vào tình yêu Thiên Chúa, dám mạo hiểm chịu thương tích và hiểu lầm, thậm chí mọi thứ có vẻ như tan tành; và giống Chúa Kitô hoàn toàn khi tự huỷ mình ra không, để rồi, được Chúa Thánh Thần hướng dẫn, “chúng ta có thể thành những dụng cụ hữu hiệu để xây dựng Nước Thiên Chúa.”²⁶³

c. Đường Lối Đối Thoại Thích Hợp với Người Cộng Sản

1) Nhìn Nhận Những Quyền Bính Dân Sự

Không gì thoát khỏi kế hoạch quan phòng của Thiên Chúa, cho dù con người không thể hiểu được (Is 55,8). Quyền bính “được Đức Chúa trao ban và chính Đấng Tối Cao đã ban quyền thống trị” (Kn 6,3). Chính Chúa Giêsu đã trả lời Philatô rằng: “Ngài không có quyền gì trên tôi, nếu Trời chẳng ban cho ngài” (Ga 19,11); và Ngài nói với những người Phariseu: “Của Xêda, trả cho Xêda; của Thiên Chúa, trả cho Thiên Chúa” (Mt 22,21). Thánh Phêrô cũng dạy như thế (1 Pr 2,13-14).

Trong chiều hướng này, Chính Quyền và Đảng Cộng Sản là những thực thể không thể chối cãi, đã kết thúc chiến tranh và đem lại hoà bình, thống nhất và độc lập cho toàn thể đất mẹ Việt Nam, cùng với sự đóng góp của toàn thể dân chúng. Giáo Hội Công Giáo và các Giáo Hội thuộc các tôn giáo khác cũng là những thực thể không thể chối cãi được, phải được nhìn nhận và tôn trọng. Ta phải thẳng thắn thừa nhận sự nhìn nhận tích cực của Hiến Pháp 1992 của Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và ước mong rằng với đối thoại và cùng nhau làm việc, Hiến Pháp sẽ được đem ra thực hiện:

Công dân có quyền tự do tín ngưỡng và tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Các Tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật. Những nơi thờ tự của các tín ngưỡng, tôn giáo được pháp luật bảo hộ. Không ai được xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để làm trái pháp luật và chính sách của Nhà nước.²⁶⁴

Có chung cùng một mục đích, các tôn giáo và cộng đồng chính trị được “kêu gọi hoàn thành sứ mệnh riêng biệt của mình vì lợi ích của dân tộc, việc phục vụ của họ sẽ hữu hiệu hơn nhiều vì họ sẽ cùng nhau thực hiện một sự hợp tác lành mạnh.”²⁶⁵

2) Bác Bỏ Đối Thoại ở Mức Độ Ý Thức Hệ

Tốt hơn là nên đối thoại với người cộng sản hơn là chủ nghĩa cộng sản, với con người hơn là với ý thức hệ, do có sự khác biệt tận căn giữa Công Giáo với ý thức hệ Cộng Sản. Ta phải chấp nhận và tôn trọng sự khác biệt nơi người khác; đón nhận cái tích cực và loại bỏ cái tiêu cực; đề cao và phát triển những giá trị của mỗi phía. Ta không thể phủ nhận những giá trị tích cực của Chủ Nghĩa Cộng Sản trong kế hoạch quan phòng của Thiên Chúa đối với nhân loại và đối với Dân Thiên Chúa.

Hãy để thời gian và con người thử nghiệm các ý thức hệ. Bất cứ học thuyết nào không còn đáp ứng được những khát vọng của con người sẽ bị loại bỏ. Đó là lý do của sự sụp đổ của Chủ Nghĩa Cộng Sản sau một thời gian thống trị kéo dài gần một thế kỷ. Đó cũng là lý do bỏ đạo của nhiều Kitô hữu trong thế giới phát triển, ở các nước hậu cộng sản Đông Âu, thậm chí trong các nước mới phát triển thuộc thế giới thứ ba.

Đây là một lời cảnh báo nghiêm khắc thúc giục Giáo Hội có lựa chọn ưu tiên cho người nghèo, người bị áp bức, người bị bóc lột và người bị đặt ngoài lề; tự đặt mình về phía những người đói khát sự thật, công lý, sự kính trọng, tự do, hoà bình, nhân phẩm con người, nhân phẩm của con cái Thiên Chúa, tình liên đới và tình yêu; và từ đó, hăm hở làm chứng cho Thiên Chúa và Nước Thiên Chúa, một Vương Quốc bao gồm tất cả mọi người.

3) Đối Thoại Bằng Cuộc Sống Và Hành Động Với Người Cộng Sản

“Cuộc đối thoại cơ bản nhất là cuộc đối thoại của con tim và linh hồn. Cuộc đối thoại này

đưa tới đối thoại về cuộc sống và hành động để cùng nhau khắc phục những thảm họa xã hội.”²⁶⁶

Tại Việt Nam hôm nay, con đường thích hợp để đối thoại với người Cộng Sản là Đối Thoại bằng Cuộc Sống và Đối Thoại bằng Hành Động:

* Đối thoại bằng cuộc sống xảy ra ở nơi con người phấn đấu sống trong tinh thần cởi mở và thân thiện, chia sẻ niềm vui và nỗi buồn, những vấn đề nhân sinh và những mối bận tâm của mình;²⁶⁷

* Đối thoại bằng hành động được thực hiện ở nơi mà người Kitô hữu và người Cộng Sản hợp tác vì sự phát triển toàn diện và vì cuộc giải phóng đất nước.

Dựa trên các giáo huấn Tin Mừng của Công Đồng Vaticanô II, với tinh thần cởi mở, đối thoại, hoà giải và chấp nhận những khác biệt, các Giám Mục Việt Nam đã nói trong Thư Mục Vụ 1980: “Là Hội Thánh trong lòng Dân tộc Việt Nam, chúng ta quyết tâm gắn bó với vận mạng Quê hương, noi theo truyền thống Dân tộc, hoà mình vào cuộc sống hiện tại của Đất Nước.”²⁶⁸ Và trong Thư Mục Vụ 2001, các ngài viết: “Để yêu thương và phục vụ, trước hết ta phải tiếp tục đường hướng đồng hành với dân tộc, đồng cảm, chia sẻ hy vọng và lo âu của dân tộc, trong tiến trình phát triển xã hội và thăng tiến con người.”²⁶⁹

4) Đối Thoại Bằng Cách Làm Chứng Cho Tình Yêu Thiên Chúa

Đặc biệt, ở phạm vi cá nhân cũng như tập thể, mọi thành phần Giáo Hội Việt Nam phải làm chứng cho tình yêu Thiên Chúa đối với người cộng sản và thật lòng yêu thương họ. Thái độ thù địch là một sức mạnh phá hủy khủng khiếp, nhưng Tình Yêu lại còn mạnh mẽ hơn: “Đức mến không nóng giận, không nuôi hận thù, không mừng khi thấy sự gian ác, nhưng vui khi thấy điều chân thật. Đức mến tha thứ tất cả, tin tưởng tất cả, hy vọng tất cả, chịu đựng tất cả” (1 Cr 13,5-7). Quả thực, “một tình yêu mạnh hơn vượt thắng một tình yêu yếu hơn và sự gắn bó đi liền với tình yêu ấy ... Nếu đức tin của chúng ta đủ mạnh, chúng ta sẽ không bị sức lôi cuốn của ý thức hệ áp đảo.”²⁷⁰ Tình yêu sẽ biến đổi mọi sự trong thế giới này, và hy vọng sự biến đổi ngay trong lòng Chủ Nghĩa Cộng Sản và giữa những người Cộng Sản.

5) Một Số Dữ Liệu Thống Kê

Những con số thống kê năm 2003 cho biết: Giáo Hội địa phương ở Việt Nam có hai mươi lăm giáo phận chia thành ba giáo tỉnh, một ở miền Bắc, một ở miền Trung và một ở miền Nam với tổng số 5.572.525 người Công giáo (6,69%) trong tổng dân số 79.347.431 người. Đoàn chiên này của Thiên Chúa được uỷ thác cho hai Hồng Y, 38 Giám Mục và Tổng Giám Mục, 2125 linh mục giáo phận, 432 linh mục dòng, với sự cộng tác của 1920 nam tu sĩ, 10337 nữ tu sĩ và 50272 giáo lý viên. Có 1085 chủng sinh đang theo học ở sáu đại chủng viện, 100 trong số 241 chủng sinh mãn trường đã chịu chức linh mục, và 1712 chủng sinh còn trong danh sách chờ đợi.²⁷¹

d. Con Đường Hy Vọng Đã Được Mở Ra

Thiên Chúa luôn luôn đứng. Ngài có thể uốn đường cong nên thẳng và rút điều tốt ra từ điều xấu. Bây giờ người Công giáo có hiểu biết nhiều hơn về người vô thần, người Cộng Sản và những người theo các tôn giáo khác. Và chính quyền các cấp cũng đã nhận ra sự đóng góp tích cực của người Công giáo trong việc phục vụ xã hội, xây dựng đất nước và đoàn kết quốc gia. Hơn thế nữa, với pháp lệnh mới về tôn giáo, ban hành ngày 18-6-2004 và có hiệu lực từ ngày 15-11-2004,²⁷² (gồm sáu chương và 41 điều), tình trạng của các tôn giáo tại Việt Nam dần dần trở nên tốt hơn. Không ai có thể phủ nhận rằng, qua cuộc đối thoại bằng cuộc sống, bằng hành động, và bằng việc làm chứng cho tình yêu Thiên Chúa, trong đất nước, có nhiều đổi thay tích cực và những biến đổi tốt hơn trong nhiều phạm vi, và một số người cộng sản trở lại Công giáo, ít nhất là bằng con đường hôn nhân.

Con Đường Hy Vọng đã được mở ra. Các linh mục tương lai phải tiếp tục và thực hiện những nỗ lực của những người tiền nhiệm, trong tình liên đới và hợp tác với đồng bào, trong Cách Thức Hiện Diện Mới của Hội Thánh tại Á Châu, với bốn cuộc đối thoại: đối thoại với các tôn giáo khác, với các nền văn hoá, với người nghèo và với người cộng sản. Các ngài sẽ cùng làm việc với người khác để xây dựng thành trì dưới đất, nhưng không bao giờ đánh mất tầm nhìn về vương quốc trên trời.

Với tình yêu Thiên Chúa và với tác động của Chúa Thánh Thần, chúng ta trông mong có một tương lai tốt đẹp hơn cho nước Việt Nam và Hội Thánh tại Việt Nam: “Mọi thành phần trong quốc gia đều liên kết với nhau để thăng tiến một nền văn minh tình thương, đặt nền

móng trên những giá trị phổ quát là hoà bình, công lý, liên đới và tự do.”²⁷³

Mới đây, chính quyền Việt Nam và các nhà lãnh đạo Hội Thánh Công giáo địa phương đã tỏ lòng biết ơn sự đóng góp của Đức Gioan Phaolô II đối với việc cải thiện những mối quan hệ Vaticanô – Việt Nam và bày tỏ hy vọng rằng sự tiến bộ sẽ còn tiếp tục. Các phái đoàn Vaticanô đã tiến hành 12 cuộc thăm viếng làm việc chính thức với các quan chức Việt Nam kể từ cuộc gặp mặt năm 1989, và điều này đã giúp ích cho Giáo Hội địa phương và Đất Nước. Với tinh thần đối thoại thẳng thắn và một thái độ tôn trọng lẫn nhau, hai bên có thể đạt được những thỏa thuận tích cực, hy vọng rằng chính quyền Việt Nam và Toà Thánh sẽ thiết lập quan hệ ngoại giao trong tương lai gần.

(còn tiếp)

Vì giới hạn của bài báo, phần ghi chú xin vui lòng tham khảo tại www.conggiaovietnam.net hoặc www.chunghanduckito.net - Hoặc cũng có thể gửi thư yêu cầu chúng tôi gửi riêng cho từng độc giả qua email. Xin cảm ơn.

VỀ MỤC LỤC

Calcium: Xi Măng, Cốt Sắt của Bộ Xương

Câu Chuyện Thầy Lang

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức

Calci là khoáng chất có nhiều nhất trong cơ thể, với 99% tập trung ở xương và răng. Số lượng còn lại, tuy chỉ là 1%, hiện diện trong chất lỏng và mô tế bào mềm, nhưng cũng có nhiều nhiệm vụ rất quan trọng.

Lượng calci trong cơ thể đàn ông vào khoảng 900-1200 gram, đàn bà có ít hơn, khoảng 800-900 gram, dưới ba dạng hợp chất: citrat, phosphat và carbonat.

Trong chín tháng mười ngày mang thai, người mẹ cung cấp cho con khoảng 30 gr calci. Khi cho con bú sữa mình, mỗi ngày mẹ chuyển khoảng 250 mg calci vào sữa.

Công dụng của calci

Nhiệm vụ chính yếu của calci là phối hợp với sinh tố D để cấu tạo bộ xương và hàm răng vững chắc.

Ngoài ra calci có các công dụng sau đây:

- *Calci (trong máu) giúp duy trì huyết áp và nhịp tim đập bình thường;
- *Calci có vai trò quan trọng trong sự đông máu, ngăn ngừa băng huyết khi mạch máu bị tổn thương;
- *Điều hòa sự co bóp của bắp thịt, đặc biệt là tế bào tim;
- *Giúp hấp thụ sinh tố B 12 trong ruột;
- *Hỗ trợ sự phân phát, thu nhận và dẫn truyền tín hiệu thần kinh;
- *Calci cũng cần trong việc sản xuất một số kích thích tố như Insulin.

Gần đây, có ý kiến cho rằng calcium có khả năng bảo vệ con người với nguy cơ lên cơn đau tim (heart attack), ung thư ruột già, hạ cholesterol, giảm khó chịu trước khi có kinh nguyệt...

Sự hấp thụ calci

Sự hấp thụ calci tùy thuộc vào nhu cầu của cơ thể, loại thực phẩm và số lượng calci ăn vào.

a- Nơi hấp thụ

Calci dễ hòa tan trong dung dịch acid nên được hấp thụ nhiều ở tá tràng, phần đầu của ruột non. Đây là nơi thực phẩm vừa mới được tiêu hóa ở bao tử chuyển xuống, cho nên có độ acid cao.

Thường thường, chỉ từ 20 tới 30% calci trong thực phẩm được hấp thụ ở ruột rồi chuyển sang máu. Calci không hấp thụ sẽ đào thải ra khỏi cơ thể theo phân, nước tiểu và mồ hôi.

b- Các yếu tố làm tăng hấp thụ calci

- Môi trường acid: Hấp thụ khác nhau tùy theo dạng calci. Dạng carbonate cần môi trường chua, nên khi dùng thêm vào bữa ăn thì dễ hấp thụ vì bao tử có nhiều acid. Dạng citrate dễ hòa tan, không cần chất chua nên dùng lúc đói cũng được;

- Sự vận động cơ thể cũng làm tăng mức hấp thụ calci;

- Khi có đầy đủ sinh tố D do thực phẩm cung cấp hoặc dưới tác dụng của tia nắng mặt trời lên da. Sinh tố D tạo ra một chất đậm để thu hút calci và chuyển qua thành của ruột non;

- Đường sữa lactose;

- Khẩu phần có nhiều chất đậm.

c- Các yếu tố làm giảm hấp thụ calci:

- Khi uống nhiều rượu, thuốc lá, cà phê, nước trà (tannin trong trà làm giảm hấp thụ calci ở ruột)

- Không có đủ acid trong dịch vị bao tử.

- Thiếu sinh tố D.

- Ăn nhiều chất béo, vì calci sẽ bám vào chất béo không hòa tan và theo phân ra ngoài.

- Không vận động cơ thể.

- Trạng thái tâm lý căng thẳng.

- Thực phẩm có nhiều chất xơ.

- Vài dược phẩm như steroid; thuốc chữa các bệnh hen suyễn, viêm xương khớp, vẩy nến; thuốc nhuận tràng.

- Các bệnh tiểu đường, cường tuyến giáp.

- Giảm estrogen khi phụ nữ ở tuổi mãn kinh;

Thường thường, đàn ông hấp thụ calci dễ dàng hơn đàn bà; phụ nữ mãn kinh hấp thụ ít hơn thiếu nữ, vì có ít estrogen.

d- Calci trong máu.

Trong máu, calci luôn luôn được giữ ở mức bình thường (từ 8.5- 10.8 mg/dl) nhờ nguồn cung cấp dự trữ ở xương.

Khi mức calci trong máu xuống thấp, thì xương sẽ chuyển sang một số calci đủ để cân bằng. Khi calci trong máu quá cao thì xương và ruột hấp thụ số calci dư thừa. Phần calci không hấp thụ sẽ được bài tiết qua nước tiểu.

Điều hòa sự hấp thụ này là một diễn biến phức tạp, cần sự hiện diện của sinh tố D, kích thích tố parathormone của tuyến cận giáp (parathyroid) và kích thích tố calcitonin của tuyến giáp (thyroid).

Khi calci trong máu xuống thấp, tuyến cận giáp tiết ra parathormone để nâng cao sự hấp

thụ calci, rút một ít calci ở xương và làm cho thận giảm bài tiết calci.

Khi mức calci trong máu lên cao thì calcitonin cũng tăng, để chặn calci thoát ra từ xương, đồng thời tuyến cận giáp cũng giảm lượng parathormone.

Mỗi ngày có khoảng 700 mg calci ra vào xương.

Nguồn cung cấp

Hầu hết calci trong cơ thể là do thực phẩm cung cấp.

Calci có nhiều trong sữa, sữa chua, pho mát, cá, tôm, trứng, đậu nành, rau có lá xanh đậm, hạt ngũ cốc được tăng cường calci, nước uống. Cá sardine, cá hồi đóng hộp ăn cả xương là nguồn calci rất phong phú.

Một ly sữa, sữa chua hay sữa đậu nành có chừng 300mg calci. Người lớn uống hai ly sữa (480 ml) là có đủ lượng calci cần thiết; trẻ em uống ba ly, tuổi đang lớn nhanh uống 4 ly.

Để sữa hấp dẫn dễ uống, có thể pha thêm một chút chocolate, vanilla, vài thìa nước cam, nước dâu.

Sữa cừu có nhiều calci hơn sữa bò.

Calci trong sữa dễ được ruột hấp thụ vì có sinh tố D.

Thực phẩm có nhiều calci	Serving size	Calcium per serving (mg)*
<i>Sữa và phó sản</i>		
Sữa	1 ly	290-300
Pho mát Thụy sĩ	1 một miếng	250-270
Yogurt	1 ly	240-400
Phó mat Hoa Kỳ	1 oz một miếng	165-200
Kem	1/2 ly	90-100
Cottage cheese	1/2 ly	80-100
Sữa bột	1 thìa cà phê	50
<i>Thực phẩm khác</i>		
Cá Sardines ăn cả xương	3 oz	370
Cá hộp salmon ăn cả xương	3 oz	170-210
Broccoli	1 cup	160-180
Đậu phụ	4 oz	145-155
Rau Turnip xanh	1/2 cup, đã nấu chín	100-125
Rau cải xoăn	1/2 cup, đã nấu chín	90-100
Bánh bột ngô	2 1/2-in. một miếng	80-90
Trứng	1 cỡ trung bình	55
Thực phẩm tăng cường calci như bánh, hạt ngũ cốc, nước trái cây	1 phần	Tùy theo thực phẩm

Dùng calci

Khi dùng thêm calci, ta nên chia ra làm nhiều lần trong ngày, uống vào các bữa ăn để tránh tác dụng không tốt cho bao tử và dễ hấp thụ. Cần tham khảo ý kiến của bác sĩ trước khi dùng.

Calci bổ sung thường có dưới hai dạng hợp chất là carbonate (Tum, Caltrate) và Citrate (Cicatral, Solgar).

Các dạng khác như calci phosphat, lactat, gluconat chứa lượng calci thấp nên phải dùng

với phân lượng cao hơn do đó rất bất tiện.

Với tuổi già, cơ thể mất dần khả năng hấp thụ calci từ thực phẩm, cho nên người cao tuổi dễ mắc bệnh loãng xương (osteoporosis) và mềm xương (osteomalacia). Đặc biệt, các cụ bà thường bị bệnh này vì sau khi tắt kinh, kích thích tố nữ estrogene giảm khiến cho khả năng hấp thụ calci giảm theo.

Nhiều nghiên cứu cho thấy những nguy cơ về gãy xương chậu có thể giảm từ 50 đến 60 % nếu cơ thể hấp thụ đầy đủ chất calci. Ngoài ra, khi calci trong cơ thể quá ít thì con người dễ bị nguy cơ cao huyết áp.

Cũng nên ghi nhớ là chỉ dùng nhiều calci bổ sung chưa đủ để ngừa bệnh loãng xương, mà còn cần các yếu tố khác như lượng estrogen đầy đủ, vận động cơ thể đều đặn, hạn chế uống rượu và hút thuốc lá.

Dùng quá lâu và quá nhiều calci bổ sung có thể đưa đến sạn thận, rối loạn chức năng của thận cũng như gây ra các triệu chứng như ăn không ngon, buồn nôn, suy nhược, mệt mỏi... Nếu chỉ dùng calci có trong thực phẩm thì ít khi gặp phải các khó khăn này.

Calci ít bị nhiệt phân hủy nên các phương thức khử trùng sữa không làm mất khoáng này. Tuy nhiên khi hâm sữa nóng, calci sẽ lắng xuống đáy và cần khuấy đều trước khi uống.

Để tránh thất thoát calci, khi nấu rau nên cho ít nước và cắt rau to bản. Nếu phải gọt vỏ thì không nên gọt quá sâu vì calci có nhiều ở phần vỏ ngoài.

Nhãn hiệu thực phẩm đều ghi số lượng calci trong món ăn và thường ghi số lượng theo % căn cứ theo nhu cầu 1000mg calci của người trưởng thành. Thí dụ trên hộp nước trái cây, số lượng calci ghi 30%, có nghĩa là trong hộp đó có 300mg calci.

Nhu cầu

Trong cơ thể, nhu cầu calcium cao nhất từ 9 tới 18 tuổi là thời gian xương tăng trưởng mạnh.

Nhu cầu mỗi ngày:

- thiếu niên trong thời kỳ tăng trưởng: từ 800–1500mg.
- người trưởng thành: 1000mg.
- phụ nữ có thai hoặc đang cho con bú sữa mẹ: 1200-1500mg
- người cao tuổi cần từ 1200-1500mg.

Điều đáng ngạc nhiên là, chỉ vì thiếu hiểu biết và trong điều kiện dư thừa thực phẩm, mà nhiều người, nhất là phụ nữ, vẫn không cung cấp đủ calci cho cơ thể.

Thiếu calcium tạo ra những triệu chứng như sau: bắp thịt co rút (vọp bẻ), mất ngủ, tính tình nóng nảy, đau nhức khớp xương, phong khớp, răng hư, huyết áp lên cao...

Thường thường, ruột non điều hòa sự hấp thụ calci tùy theo nhu cầu của cơ thể, nên không có hiện tượng thừa calci. Tuy nhiên, đôi khi cơ chế này bị rối loạn, calci trong máu có thể lên quá cao, dẫn tới sạn thận hoặc xương quá đặc (Osteopetrosis), nhất là ở trẻ em ăn nhiều thực phẩm được bổ sung sinh tố D và calci.

Một vài thắc mắc

1-Tôi nghe nói calci thường hay gây ra táo bón, xin cho biết có đúng không?.

Đây là than phiền của nhiều người dùng thêm calci, nhưng không phải tất cả các loại calci đều gây táo bón. Calci citrate được coi như ít gây táo bón vì được tiêu hóa dễ dàng, nhưng giá tiền hơi cao.

Để tránh táo bón, nên uống nhiều nước và ăn nhiều thực phẩm có chất xơ, chia calci ra làm hai ba liều nhỏ, uống nhiều lần trong ngày.

2- Có người nói calci từ rau dễ hấp thụ hơn từ sữa, có đúng không?

Calci từ sữa và các sản phẩm của sữa như pho mát, kem, sữa chua... được hấp thụ vào khoảng 32%. Sự hấp thụ calci từ rau thay đổi tùy loại: với rau spinach là 5%, với rau broccoli có thể lên tới 50%.

Tuy nhiên, vì calcium trong rau dễ bị biến hóa khi nấu nên số calci còn lại rất ít. Ta phải tiêu thụ ba ly rau mới có cùng số lượng calci trong một ly sữa.

3- Trẻ em hay uống nước ngọt, như vậy có bị thiếu calci không?

Đây là điều mà các nhà y học và gia đình băn khoăn, vì khi các em chỉ uống nước ngọt mà không uống sữa, thì các em sẽ thiếu calci. Vì thế, tại các trường học, sữa đều được bao gồm trong phần ăn trưa và sữa cũng được bán trong các máy tự động.

4- Dùng calci bổ sung vào lúc nào tốt?

Uống khi nào thuận tiện cho mình là tốt hơn cả, vì sẽ không bị quên. Tuy nhiên, cơ thể hấp thụ calci hữu hiệu hơn với mức độ dưới 500mg. Do đó, nên chia số lượng calci định uống làm nhiều lần trong ngày. Thí dụ như nếu ta đã ăn một ly sữa chua, uống một ly nước cam vào buổi sáng (có khoảng 500mg calci), thì nên uống viên calci trễ hơn.

5- Trên thị trường có quá nhiều loại calci, tôi biết lựa loại nào?

Đúng vậy, hiện nay có đến cả vài chục loại với tên hiệu và thành phần khác nhau. Khi mua, nên lựa loại do nhà sản xuất đứng đắn bảo chế, loại có liều lượng mà mình cần và loại an toàn khi uống.

Khoáng calci phổ biến nhất là loại calci carbonate và calci citrate.

Calci carbonate cần được uống chung với thực phẩm để tránh khó chịu dạ dày. Loại này có nồng độ calci cao và giá tiền tương đối cũng rẻ. Có loại viên từ 500mg tới 600mg; viên kẹo ngậm 500mg, viên nhai như Tums hoặc Rolaids từ 200 tới 700mg, và calci bột.

Calci citrate có thể uống khi chưa ăn. Nồng độ calci trong viên thấp hơn, khoảng 300mg và viên thuốc thường to hơn nên khó nuốt.

Cũng nên nhớ là các viên đa vitamin có lượng calci rất thấp.

6- Khi uống calci bổ sung, tôi có thể tiếp tục uống các loại thuốc trị bệnh không?

Thường thường thì vẫn có thể uống chung calci với thuốc khác được. Tuy nhiên, calci có thể tương tác với vài loại dược phẩm, như là kháng sinh tetracycline, thuốc trị bệnh tuyến giáp... cho nên phải uống cách xa nhau.

Do đó, xin đề nghị là hỏi ý kiến bác sĩ mỗi khi uống thêm thuốc trị bệnh.

Kết luận

Đành rằng calci là xi măng cốt sắt của bộ xương, nhưng chưa đủ để làm xương vững chắc suốt đời người.

Hiểm họa loãng xương, xốp xương, mềm xương, gãy xương... vẫn rình rập, nếu không vận động cơ thể, nếu vẫn tiếp tục phì phèo thuốc lá điều này nổi điều khác, vẫn bù khú "dô dô" chai rượu này, lon bia kia với bạn bè....

Thành ra, nếp sống lành mạnh cũng rất cần thiết cho bộ xương, hàm răng vậy.

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức Texas-Hoa Kỳ

- Mọi liên lạc: Ghi danh, thay đổi địa chỉ, đóng góp ý kiến, bài vở..., xin gửi về địa chỉ

giaosivietnam@gmail.com

- Những nội dung sẽ được đề cao và chú ý bao gồm:

Trao đổi, chia sẻ những kinh nghiệm thực tế trong việc mục vụ của Giáo sĩ; Những tài liệu của Giáo hội hoặc của các Tác giả nhằm mục đích Thăng tiến đời sống Giáo sĩ; Cổ vũ ơn gọi Linh mục; Người Giáo dân tham gia công việc “Trợ lực Giáo sĩ” bằng đời sống cầu nguyện và cộng tác trong mọi lãnh vực; Mỗi Giáo dân phải là những “Linh mục” không có chức Thánh; Đối thoại trong tinh thần Bác ái giữa Giáo dân và Giáo sĩ... (Truyền giáo hay xây pháo đài?)

- Quý vị cũng có thể tham khảo những số báo đã phát hành tại

www.conggiaovietnam.net

Rất mong được sự cộng tác, hưởng ứng của tất cả Quý vị

Xin chân thành cảm ơn tất cả anh chị em đã sẵn lòng cộng tác với chúng tôi bằng nhiều cách thế khác nhau.

TM. Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam

Lm. Luca Phạm Quốc Sử USA

Được chọn giữa loài người và cho loài người;
